

LAN ANH

BÀI TẬP CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT

LỚP

2

CẢ NĂM

SACHHOC.COM



TỦ SÁCH LUYỆN THI

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 1

I. Bài tập về đọc hiểu

Người bạn nhỏ

Trong những con chim rừng, Lan thích nhất con nộc thua. Có hôm Lan dậy thật sớm, ra suối lấy nước, chưa có con chim nào ra khỏi tổ. Thế mà con nộc thua đã hót ở trên cành. Có những hôm trời mưa gió rất to, những con chim khác đi trú mưa hết. Nhưng con nộc thua vẫn bay đi kiếm mồi hoặc đậu trên cành cao hót một mình. Trong rừng chỉ nghe có tiếng mưa và tiếng con chim chịu thương, chịu khó ấy hót mà thôi. Thành ra, có hôm Lan đi học một mình mà cũng thấy vui như có bạn đi cùng.

(Quang Huy)

* **Nộc thua**: loài chim rừng nhỏ, lông màu xanh, hót hay.

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng.

1. *Bạn Lan sống và học tập ở vùng nào?*

a - Vùng nông thôn b - Vùng thành phố c - Vùng rừng núi

2. *Chi tiết nào cho thấy nộc thua là con chim “chịu thương, chịu khó”?*

a - Dậy sớm, bay khỏi tổ để ra suối uống nước b - Dậy sớm đi kiếm mồi hoặc hót trên cành cao c - Dậy sớm hót vang, trong lúc trời mưa rất to

3. *Khi trời mưa gió, Lan nghe thấy những âm thanh gì trong rừng?*

a - Tiếng mưa rơi, tiếng suối reo vui b - Tiếng mưa rơi, tiếng nộc thua hót c - Tiếng suối reo, tiếng nộc thua hót

4. *Vì sao trong những con chim rừng, Lan thích nhất nộc thua?*

a - Vì nột thua hót hay và chịu thương, chịu khó b - Vì nột thua hót hay và luôn cùng Lan đi học

c - Vì nột thua hay hót trên con đường Lan đi học

I – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Viết các từ ngữ vào chỗ trống sau khi đã điền đúng:

a) c hoặc k

- con ... ò /

- đàn ... iến /

- con ... ua /

- thước ... ẻ /

b) l hoặc n

- ăn ... o /

- ... o lắng /

- gánh ... ặng /

- im ... ặng /

c) an hoặc ang

- l ... xóm /

- l ... gió /

- quạt n ... /

- nỡ n ... /

2. Xếp các từ in đậm trong đoạn thơ sau vào từng ô trong bảng:

Em cầm tờ lịch cũ

- Ngày hôm qua đâu rồi? Ra ngoài **sân** hỏi **bố**

Xoa **đầu** em, **bố cười**.

- Ngày hôm qua ở lại

Trên cành **hoa** trong **vườn Nụ** hồng lớn lên mãi

Đợi đến ngày **tỏa** hương.

- Ngày hôm qua ở lại Trong **hạt** lúa **mẹ** trồng Cánh đồng chờ **gặt hái**

Chín **vàng** màu ước mong ...

(Bé Kiên Quốc)

<i>Chỉ người</i> (3 từ)	
<i>Chỉ vật</i> (7 từ)	
<i>Chỉ hoạt động,</i> <i>đặc điểm</i> (4 từ)	

3. Đặt mỗi câu với mỗi từ chọn được ở 3 ô trong bảng trên (bài tập 2):

(1).....

(2)

(3)

4. Hỏi một bạn trong tổ vài điều cần biết để hoàn thành đoạn giới thiệu dưới đây (điền vào chỗ trống):

Tổ em có bạn

Bạn quê ở, học cùng em ở lớp..... Trường Tiểu học

.....

Bạn thích học môn, thích làm các việc:

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 2

I – Bài tập về đọc hiểu:

Một người ham đọc sách

Đan-tê là một nhà thơ lớn của nước Ý. Ông còn nổi tiếng là người ham đọc sách. Không đủ tiền mua sách, ông làm quen với người bán hàng để mượn sách về nhà xem.

Một hôm, người chủ quán sách không muốn cho Đan-tê mượn cuốn sách mới. Ông liền đứng tại quầy hàng để đọc, bất chấp mọi tiếng ồn ào xung quanh.

Khi ông đặt cuốn sách vừa đọc xong xuống để trả người chủ quán thì trời cũng sầm tối. Người chủ quán liền nói:

- Kẽ ra người vào ồn ào như vậy mà ông cũng đọc được hết cuốn sách à?

Đan-tê ngơ ngác đáp:

- Có người ra vào ồn ào ư? Tôi chỉ thấy người trong sách đi lại nói chuyện với nhau thôi !

(Theo *Cuộc sống và sự nghiệp*)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. *Đan-tê làm quen với người bán sách để làm gì?*

a - Để mượn sách về nhà xem

b - Để trao đổi về các cuốn sách c - Để mua được nhiều sách hay

2. *Khi đọc sách tại quầy hàng, Đan-tê chỉ thấy gì?*

a - Tiếng ồn ào của những người xung quanh b - Kẽ ra người vào nói chuyện với nhau

c - Người trong sách đi lại nói chuyện với nhau

3. *Có thể thay tên câu chuyện bằng cụm từ nào dưới đây?*

a - Một người biết đọc sách b - Một người mê đọc sách

c - Một người đứng đọc sách

(4). Từ nào dưới đây có thể thay thế cho cụm từ “cuốn” (trong cuốn sách) ?

a - trang b - quyển c - chồng

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Gạch dưới các chữ viết sai chính tả (g/ gh, s/ x, ăn / ăng) rồi chữa lại cho đúng: (Viết vào chỗ trống ở dưới.)

a) Bạn An thường gế vào hiệu sách gần ghốc cây đa.

.....

b) Minh xấp xếp sách vở vào cặp xách để sách tới trường.

.....

c) Chú Hải lặn lẽ bơi ra xa rồi lặn sâu xuống nước để mò trai ngọc.

.....

2. Dùng các từ ở 5 ô dưới đây để xếp thành 3 câu khác nhau và viết lại cho đúng chính tả:

Minh

học

lao động

giỏi

chăm

M: Minh học giỏi, lao động chăm.

(1)

(2)

.....

(3)

.....

3. Đặt dấu câu thích hợp vào ô trống cuối mỗi câu sau:

- Năm nay em bao nhiêu tuổi
- Em có thích đi học không
- Cô giáo dạy lớp 2 của em tên là gì

4. a) Viết lời chào hỏi thích hợp vào chỗ trống trong đoạn đối thoại:

Mai: Minh: Bạn đi đâu đấy?

Mai: À, mình sang nhà bà nội. Còn bạn vừa đi đâu về phải không? Minh: Ừ ! Mình sang nhà bạn Long mượn quyển sách về đọc.

b) Viết tiếp vào các chỗ trống để hoàn thành đoạn tự giới thiệu:

Tôi tên là Hiện nay, tôi là học sinh lớp Trường Tiểu học Sở thích của tôi là Tôi rất muốn được làm quen với các bạn.

Tuần 3

I – Bài tập về đọc hiểu

Ai cam đảm

Hùng giơ khẩu súng lục bằng nhựa ra khoe với các bạn và nói:

- Bây giờ thì tớ không sợ gì hết !

- Mình cũng vậy, mình không sợ gì hết ! – Thắng vừa nói vừa vung thanh kiếm gỗ lên.

Tiến chưa kịp nói gì thì một đàn ngỗng đi vào sân. Chúng vươn dài cổ, kêu quàng quạc, chúm mỏ về phía trước, định đón bọn trẻ.

Hùng rút vội khẩu súng vào túi quần và chạy biến. Thắng tưởng đàn ngỗng đến giạt kiếm của mình, mồm mếu máo, nấp vào sau lưng Tiến.

Tiến không có súng, cũng chẳng có kiếm. Em nhặt một cành cây, xua đàn ngỗng ra xa. Đàn ngỗng kêu quàng quạc, cổ vươn dài, quay đầu chạy miết.

(Nhị Hà *phỏng dịch*)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Vì sao Hùng và Thắng lúc đầu tỏ ý không sợ gì cả? a – Vì nghĩ rằng mình có lòng can đảm

b – Vì nghĩ rằng đã có súng và kiếm gỗ c – Vì nghĩ rằng đã có bạn Tiến giúp đỡ

2. Khi thấy đàn ngỗng đến gần, Hùng và Thắng đã làm gì? a – Hùng giơ súng bắn ngỗng; Thắng cầm kiếm đuổi ngỗng. b – Hùng nấp vào sau lưng Tiến; Thắng cất súng, chạy biến. c – Hùng cất súng, chạy biến; Thắng nấp vào sau lưng Tiến.

3. Theo em, vì sao nói Tiến mới thật sự là người can đảm?

a – Vì Tiến không có gì trong tay nhưng đã đứng che cho bạn khỏi bị ngỗng tấn công

b– Vì Tiến không có gì trong tay nhưng đã nhanh trí nhặt cành cây xua đàn ngỗng đi

c – Vì Tiến không có gì trong tay nhưng đã nhanh trí lừa được đàn ngỗng đi ra chỗ khác

(4). Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa từ “can đảm”? a – Gan góc, không sợ nguy hiểm

b – Gan lì, không chịu thay đổi

c – Liều lĩnh, không sợ chết chóc

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. a) Gạch dưới chữ viết sai chính tả rồi viết lại từng từ cho đúng: (Viết vào chỗ trống ở dưới)

Nghơ ngác

.....

Nge ngóng

.....

Ngỗ ngược

.....

Nghi ngờ

.....

Nghiêm nghị

.....

Ngô ngê

.....

b) Viết các từ ngữ vào chỗ trống sau khi đã điền đúng:

* **tr** hoặc **ch**

- con ... âu /

- lá e/.....

-âu báu /

-e chở /

* **ngả** hoặc **ngã**

- dẫu/

- mũ /

- nghiêng/.....

-..... ngựa/

2. Viết các từ sau vào đúng cột trong bảng:

Tre ngà, trẻ em, xe ngựa, học sinh, sư tử, sách vở, gà trống, lúa xuân

Chỉ người	Chỉ đồ vật	Chỉ con vật	Chỉ cây cối
.....			

.....			
-------	-------	-------	-------

3. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo câu kể:

Ai (hoặc cái gì, con gì)	là gì?
Mẹ của em	
.....	là người bạn thân nhất của em.

4. a) Viết số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5 vào chỗ chấm theo đúng diễn biến câu chuyện "Hai con dê":

... Dê trắng đi đằng kia sang.

... Dê đen đi đằng này lại.

... Dê đen và dê trắng cùng qua một chiếc cầu hẹp.

... Chúng húc nhau, cả hai đều rơi tõm xuống suối.

... Con nào cũng muốn tranh sang trước, không con nào chịu nhường con nào.

b) Chép lại toàn bộ câu chuyện trên.

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 4

I – Bài tập về đọc hiểu

Xe lu và xe ca

Xe lu và xe ca cùng đi trên đường với nhau. Thấy xe lu đi chậm, xe ca chế giễu bạn:

- Cậu đi như con rùa ấy ! Xem tớ đây này !

Nói rồi, xe ca phóng vọt lên, bỏ xe lu ở tít đằng sau. Xe ca tưởng mình thế là giỏi lắm.

Tới một quãng đường bị hỏng, xe ca phải đỗ lại vì lầy lội quá. Bấy giờ xe lu mới tiến lên. Khi đám đá hộc và đá cuội ngổn ngang đổ xuống, xe lu liền lăn qua lăn lại cho phẳng lì. Nhờ vậy mà xe ca mới tiếp tục lên đường.

Từ đây, xe ca không chế giễu xe lu nữa. Xe ca đã hiểu rằng: công việc của bạn xe lu là như vậy.

(Theo *Phong Thu*)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Thấy xe lu đi chậm, xe ca đã làm gì? a- Đỗ lại để đợi xe lu đi cùng
b- Chế giễu xe lu đi chậm rồi phóng vọt lên c- Động viên xe lu tiến lên đi nhanh hơn
2. Khi xe ca không đi qua được chỗ đường bị hỏng, xe lu đã làm gì? a- Chế giễu xe ca kiêu căng, tưởng mình là giỏi
b- Tiến lên trước, bỏ mặc xe ca ở tít đằng sau c- Lăn qua lăn lại đường phẳng lì cho xe ca đi
3. Theo em, lời khuyên nào dưới đây phù hợp nhất với nội dung câu chuyện? a- Không nên coi thường và chế giễu người khác.
b- Không nên kiêu căng và coi thường mọi người.

c- Không nên tự coi mình luôn giỏi hơn mọi người.

(4). Từ nào dưới đây có thể thay thế cho từ “phẳng lì” (trong câu "Khi đám đá học ... cho phẳng lì.")?

a- phẳng lặng b- bằng phẳng c- phẳng phiu

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Viết lại các từ ngữ vào chỗ trống sau khi đã điền đúng:

a) iên hoặc yên

- l..... hoan /	- vui/.....
- lặng/	-v..... phần /

b) r hoặc d,gi

- ành đồ chơi cho bé/.....

- ành phần thắng/

- đọc ắt....õ... àng/.....

c) ân hoặc âng

-v..... trắng/.....	-v..... thơ /.....
- nước d..... lên/.....	-d làng/.....

2. Viết câu hỏi vào cột A hoặc câu trả lời vào cột B sao cho phù hợp:

A	B
(1) Hôm nay là thứ mấy?	-.....
(2).....	- Ngày mai là thứ sáu.
(3) Một tuần có mấy ngày?	-.....
(4)	- Một năm có mười hai tháng

3. Ngắt đoạn sau thành 3 câu rồi viết lại cho đúng chính tả:

Long bị ốm không đi học được bạn bè trong lớp đến thăm Long và chép bài giúp bạn ai cũng mong Long mau khỏe để đến lớp học.

.....

.....

.....

4. Viết 3-4 câu nói về một trường hợp cảm ơn (hoặc xin lỗi) của em.

Gợi ý: Một người bạn (hoặc người lớn tuổi, em nhỏ) đã giúp em việc gì?

Em đã tỏ thái độ thế nào và nói lời cảm ơn người đó ra sao?

Hoặc: Em đã vô tình làm việc gì phiền lòng một người bạn (hoặc người lớn tuổi, em nhỏ)? Em đã tỏ thái độ thế nào và nói lời xin lỗi người đó ra sao?

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 5

I – Bài tập về đọc hiểu

Đón ngày khai trường

Hôm nay, một ngày cuối thu đầy nắng. Gió chạy khắp sân trường gọi lá bàng háo hức. Nắng nhảy nhót trên những tán lá bàng xanh, làm tươi lên cái áo vôi vàng của ngôi trường. Cổng trường rung lên rồi rộng mở. Sân trường tràn ngập những âm thanh lành lốt của bầy trẻ. Bọn trẻ tung tăng khắp chốn, kéo nhau lên gác, xô nhau xuống sân. Chúng ôm lấy thân cây bàng, giúi vào nhau cười trong những trò chơi đuổi bắt.

Tùng ! Tùng ! Tùng ! ... Tiếng gọi ồm ồm của bác trống già vang lên. Từ gác trên lao xuống, từ trong lớp chạy ra... học sinh dồn cả về phía sân trường. Tiếng hát cất lên, dồn dập trong tiếng vỗ tay. Kết thúc bài hát, giọng cô giáo ngân vang: "Ngày mai, chúng ta sẽ khai trường, bắt đầu một năm học mới !"

(Theo *Lê Phương Liên*) Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng:

1. Đoạn 1 ("Hôm nay ... của ngôi trường.") tả gió và nắng thế nào?

- a- Gió chạy khắp sân trường; nắng gọi những lá bàng xanh háo hức.
- b- Gió chạy đến gọi lá bàng; nắng nhảy nhót trên cái áo vôi vàng.
- c- Gió chạy khắp sân trường; nắng nhảy nhót trên những tán lá bàng.

2. Đoạn 2("Cổng trường rung lên.. trò chơi đuổi bắt.") tả cảnh gì nổi bật? a- Cảnh học trò vui đùa nhộn nhịp, náo nức ở cổng trường

- b- Cảnh học trò tung tăng vui đùa khắp nơi trong trường
- c- Cảnh học trò kéo nhau xuống sân để chơi trò đuổi bắt

3. Đoạn 3 ("Tùng ! Tùng ! Tùng ! ... năm học mới.") tả những âm thanh gì nổi bật ở sân trường?

- a- Tiếng trống; tiếng hát; tiếng chân đi; tiếng vỗ tay
- b- Tiếng trống; tiếng hát; tiếng vỗ tay; tiếng cô giáo
- c- Tiếng trống; tiếng cô giáo ; tiếng học trò cười vui

(4). Bài văn miêu tả cảnh gì? a- Cảnh học sinh háo hức chuẩn bị vui đón ngày khai trường b- Cảnh học sinh háo hức vui chơi trong ngày lễ khai trường

c- Cảnh sân trường đầy nắng, gió và học sinh vui chơi háo hức

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn 1.

Viết lại các từ ngữ vào chỗ chấm sau khi đã điền đúng:

a) ia hoặc ya

- thức khu... /.....
- tính ch...../.....
- t..... nắng/.....
- ý ngh/.....

b) l hoặc n

- hoa ... ở/.....
- ở đất/.....

- đi ên/.....
- làmên/.....

c) en hoặc eng

- cái x...../.....
- dè s...../.....
- thổi k...../.....
- đánh k...../.....

2. Viết lại cho đúng các tên riêng:

a) Tên riêng của người

- Lê văn thịnh/..... – Võ thị thu/.....

- Nguyễn bá khánh HÀ/.....

(1) Bạn trai nhặt được vật gì gần cửa lớp học?

- Trần vũ thị I Hu thuy/.....

..b) Tên riêng của sông, hồ, núi, đất đai.....

- Trường sơn/..... – Cửu Long/.....

- hải phòng/..... – Hoàn kiếm/.....

3. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để thành câu:

Ai (hoặc cái gì, con gì)	Là gì?
Em	Là
Môn em yêu thích	Là
Ước mơ của em	Là

a) Dựa vào tranh, trả lời câu hỏi (có thể đặt tên cho bạn trai, bạn gái):





(2) Bạn trai và bạn gái trao đổi với nhau thế nào?

.....

.....

.....

.....



(3) Bạn trai đến gặp cô giáo để làm gì?

.....
.....

..... (4) Cô giáo khen bạn
traí thế nào?

.....
.....
.....

b) đặt tên cho câu chuyện ở a:.....

Tuần 6

I- Bài tập về đọc hiểu:

Em học sinh mới

Đang giờ học Toán, một phụ nữ dắt bé gái nhỏ nhắn đến cửa lớp, nói với cô giáo: "Thưa cô, con gái tôi được chuyển đến học lớp cô".

Nhìn em học sinh nhỏ bé, lưng bị gù, cô giáo hồi hộp nghĩ: "Liệu cả lớp sẽ đón bạn mới với thái độ thế nào?" Cô nhìn học trò như muốn nói lời tha thiết: "Hãy đừng để người bạn mới thấy trong đôi mắt các em sự ngạc nhiên và chế nhạo!". Đáp lại là những nụ cười âu yếm và niềm vui lóe lên trong ánh mắt các em.

Cô nhẹ nhàng nói:

- Tên bạn là Ô-li-a. Bạn từ xa chuyển đến, người nhỏ yếu. Em nào ngồi bàn đầu xung phong chuyển chỗ khác để nhường chỗ cho Ô-li-a?

CẢ sáu em ngồi bàn đầu đều giơ tay xin chuyển. Ô-li-a ngồi vào chỗ một bạn được chuyển đi. Em nhìn cả lớp với ánh mắt dịu dàng, tin cậy.

(Theo Xu-khôm-lin-xki)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Khi nhận Ô-li-a vào lớp, cô giáo nhìn học sinh như muốn nói điều gì? a- Hãy nhường chỗ ngồi tốt nhất cho bạn mới.
b- Đừng chế nhạo và trêu chọc người bạn mới. c- Đừng tỏ thái độ ngạc nhiên và chế nhạo bạn.
2. Đáp lại ánh mắt của cô, các bạn đã có biểu hiện như thế nào? a- Cười âu yếm, ánh mắt lóe lên niềm vui
b- Cười âu yếm, ánh mắt dịu dàng, tin cậy c- Cười chế nhạo, ánh mắt lộ vẻ ngạc nhiên.
3. Trước thái độ thân thiện của bạn bè trong lớp, Ô-li-a đã làm gì? a- Nhìn cả lớp với ánh mắt vui vẻ, lạc quan

b- Nhìn cả lớp với ánh mắt dịu dàng, tin cậy c- Nhìn cả lớp với ánh mắt biết ơn sâu nặng

(4). Câu chuyện ca ngợi điều gì là chủ yếu? a- Lòng yêu quý

b- Lòng tin cậy c- Lòng nhân ái

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Viết lại các từ ngữ vào chỗ trống sau khi đã điền đúng:

a) s hoặc x

- ô sô/.....	-ô tay/.....
-..... ay sưa /	-..... ay bột/.....

b) ai hoặc ay

- m..... bom/.....	- m.....nhà/.....
- ngày m...../.....	- m..... áo/.....

c) sẽ hoặc sẽ

- sạch/.....	- san/.....
- chia/.....	- làm/.....

2. Viết vào mỗi cột ít nhất 4 từ chỉ người, đồ vật trong lớp học:

Chỉ người	Chỉ đồ vật
.....	
.....	

3. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm:

(1) **Bạn Minh Hòa** là học sinh xuất sắc nhất của lớp 2A.

..... (2) Học sinh xuất sắc nhất của lớp

2A là **bạn Minh Hòa**.

.....

4. Đọc trích đoạn mục lục cuốn "Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi từ sau Cách mạng tháng Tám "(Nhà xuất bản Giáo dục, 2002)

TT	Tên truyện	Tác giả	Trang
1	Ông Trạng thả diều	Hà Ân	5
2	Chuyện về một người thầy	-	14
3	Cậu bé xấu xí	-	22
4	Chuyện về một giấc mơ	-	30
5	Đôi guốc bỏ quên	Văn Biên	39
6	Em bé bên bờ sông Lai Vu	Vũ Cao	43
7	Trước lăng mộ vua Quang Trung	An Cương	66
8	Nàng tiên đảo Ngọc	Lý Biên Cương	75
9	Nguyên và Thùy	-	80
10	Em bé và bông hồng	Trần Hoài Dương	86

* Trả lời câu hỏi bằng cách điền vào chỗ trống:

- Nhà văn có 4 truyện ngắn được in trong tuyển tập là
- Truyện ngắn *Đôi guốc bỏ quên* của nhà văn..... in ở trang.....
- Truyện ngắn *Trước lăng mộ vua Quang Trung* của nhà văn..... in ở trang.....
- Nhà văn Lý Biên Cương có truyện ngắn..... in ở trang 75.
- Truyện ngắn của nhà văn Trần Hoài Dương ở trang 86 có tên là.....
.....Đây là truyện thứtrong tuyển tập.

Tuần 7

I – Bài tập về đọc hiểu Người học trò cũ

Trước giờ vào lớp, chúng em đang chơi thì có một chú bộ đội đến.

Chú đội chiếc mũ có ông sao trên nền xanh da trời. Chú hỏi thăm cô giáo. Một bạn vào thưa với cô. Cô vội vàng bước ra. Chú bộ đội cũng bước nhanh tới, vội ngả mũ xuống:

- Em chào cô ạ !

Cô giáo bỗng đứng sững lại. Chúng em cũng nín lặng vây quanh.

- Thưa cô, em về thăm sức khỏe của cô ! Cô giáo như chợt nhớ ra:

- À ! Em Thanh ! Em lái máy bay à?.. Em còn nhớ cô ư?

- Thưa cô, dù bao nhiêu năm nữa, dù đi đâu rất xa, em vẫn là học sinh cũ của cô, đã từng được cô dìu dắt, dạy bảo.

(Theo Phong Thu)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Khi nhìn thấy cô giáo cũ, chú bộ đội đã làm gì?
a- Bước tới, nhanh nhẹn chào cô giáo
b- Bước nhanh tới, ngả mũ chào cô giáo
c- Đứng nghiêm, ngả mũ chào cô giáo
2. Thái độ của cô giáo ra sao khi gặp người học trò cũ?
a- Không nhớ tên trò, đứng sững lại vì ngạc nhiên
b- Nhớ tên học trò, xúc động vì trò cũ còn nhớ đến cô
c- Nhớ tên trò, hỏi chuyện lái máy bay của trò cũ
3. Câu nói cuối bài ("Thưa cô,... dạy bảo.") chứng tỏ điều gì ở người học trò cũ?

a- Biết ơn cô giáo đã nhớ người học trò cũ sau bao năm xa cách b- Biết ơn cô giáo đã tiếp đón người học trò về thăm trường cũ c- Biết ơn cô giáo đã từng dìu dắt, dạy bảo mình từ thuở ấu thơ

(4). Câu tục ngữ nào dưới đây phù hợp nhất với ý nghĩa của câu chuyện? a- Ăn quả nhớ người trồng cây

b- Học thầy không tày học bạn

c- Một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy.

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. a) Gạch dưới các chữ viết sai chính tả tr/ch rồi chép lại cho đúng câu sau: Mấy đứa chẻ chong xóm tôi chèo cả lên cây để xem diễn trò.

.....

b) Viết lại các từ ngữ vào chỗ trống sau khi đã điền đúng:

* **ui** hoặc **uy**

-ng.... hiêm/.....	-m.....thuyền/.....
-ch..... vào/.....	-tr.....bài/.....

* **iên** hoặc **iêng**

- cái ch...../.....	-ch..... cá/.....
-ăn k...../.....	-k..... trì/.....

2. Điền từ chỉ hoạt động phù hợp vào ô trống:

a) Cô giáo của em đang..... bài trên lớp

b) Bạn Ngọc Anh truyện rất say sưa.

c) Bác bảo vệ đã..... .. trông tan trường.

d) Chị Phương Nga..... song ca cùng chị Phương Linh.

(Từ cần điền: đọc, hát, giảng, đánh)

3. Đặt câu với mỗi từ chỉ hoạt động, trạng thái:

- (đạy).....

- (dậy).....

4. a) Kể lại nội dung mỗi tranh dưới đây bằng 1-2 câu để tạo thành một câu chuyện. (Viết vào ô trống)

Gợi ý:

Tranh 1- Hoa đến lớp sớm thấy bạn Hùng đang làm gì? (Có thể đặt tên khác cho hai bạn)

Tranh 2- Hoa đã làm việc gì giúp Hùng trực nhật?

Tranh 3- Cô giáo vào lớp với thái độ thế nào? Cô khen ngợi điều gì? Tranh 4- Hùng đứng dậy nói với cô giáo điều gì?



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....





.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



b) đặt tên cho câu chuyện ở a:.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 8

I – Bài tập về đọc hiểu

Cậu học trò giỏi nhất lớp

Lu-i Pa-xơ được cha dắt đến trường để xin học. Thầy giáo hỏi:

- Con tên gì?
- Thưa thầy, con là Lu-i Pa- xơ ạ !
- Đã muốn đi học chưa hay còn thích đi chơi?
- Thưa thầy, con thích đi học ạ ! Thầy giáo gật gù, vẽ bằng lòng:
- Thế thì được !

Từ nhà đến trường không xa lắm, nhưng với tầm mắt của Lu-i, đó là cả một đoạn đường dài thơ mộng có những chặng nghỉ và trò chơi thú vị. Dưới gốc một cây to ở vệ đường, cỏ trụi đi vì những ván bị quyết liệt. Cái bãi gần đường vào thị trấn là nơi diễn ra những ‘ pha ’ bóng chớp nhoáng đầy hứng thú, say mê

.....

Còn việc học hành của Lu-i thì khỏi phải nói ! Gia đình và thầy giáo rất hài lòng vì Lu-i Pa-xơ là một học trò chăm chỉ, học giỏi nhất lớp.

(Theo Đức Hoài)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Khi được hỏi về việc học, Lu-i Pa-xơ trả lời thầy giáo thế nào?
a- Con thích đi chơi
b- Con thích đi học
c- Con chưa thích học
2. Vì sao đường từ nhà đến trường đối với Lu-i là cả một đoạn đường dài thơ mộng?

- a- Vì có chỗ chơi bị mát mẻ dưới gốc cây to b- Vì có bãi chơi đá bóng đầy thú vị, say mê
c- Vì có những chạng ngời và trò chơi thú vị

3. Lu-i làm cho gia đình và thầy giáo rất hài lòng về điều gì? a- Đi học chăm chỉ, chuyên cần

b- Chăm chỉ, học giỏi nhất lớp c- Chơi đá bóng và chơi bi giỏi

4. Câu nào dưới đây nói đúng ý nghĩa của câu chuyện? a- Học, học nữa, học mãi

b- Học một biết mười

c- Học ra học, chơi ra chơi

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. a) Viết các từ ngữ vào chỗ trống sau khi đã điền đúng:

* **ao** hoặc **au**

- đi s...../.....	- ngời s...../.....
- quả c...../.....	- lên c...../.....

* **uôn** hoặc **uông**

- ch.....lợn/.....	-con ch.....ch...../.....
-b.....chuối/.....	-b.....ngủ/.....

b) Gạch dưới các chữ viết sai chính tả **r/d/gi** rồi viết lại khổ thơ cho đúng.

Em yêu giòng kênh nhỏ Chảy dữa hai dặng cây Bên dì dào sóng lúa

Gương nước in trời mây.

.....
.....
.....

.....

2. Chọn từ chỉ hoạt động, trạng thái thích hợp điền vào chỗ trống:

Hằng ngày, đôi bàn tay của mẹ phải..... biết bao nhiêu là việc. Đi làm về, mẹ lại
.....chợ,gạo,nước, cơm,..... cho hai chị em
Bình,..... một chậu quần áo đầy.

(Từ cần điền: đi, làm, nấu, đong, giặt, tắm, gánh)

3. Đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong mỗi câu sau:

- a) Hoàng Minh rất thích chơi bóng bàn bóng đá.
- b) Diệu Hương luôn đi học đều học bài và làm bài đầy đủ.
- c) Thu Hà học giỏi hát hay nên được thầy cô và bạn bè quý mến.

4. a) Viết lời mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị thích hợp vào ô trống:

(1) Em mời một bạn thân đến dự liên hoan sinh nhật em vào 8 giờ tối thứ bảy tuần này.	(1)
(2) Em nhờ bạn ngồi bên trái sang một bên để em nhìn bài tập chép trên bảng.	(2)
(3) Em yêu cầu (đề nghị) các bạn đang trao đổi ở nhóm bên cạnh không nói quá to để khỏi ảnh hưởng đến nhóm khác	(3)

b) Viết câu trả lời cho mỗi câu hỏi sau:

(1) Ai là người bạn thân nhất của em trong lớp?

.....

..... (2) Bạn đó có những điểm gì nổi bật

mà em quý mến?

.....

.....

..... (3) Tình cảm của bạn đối với em như thế nào?

.....

..... (4) Tình cảm của em đối với bạn ra sao?

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 9 – Ôn tập giữa học kì I

A- Kiểm tra đọc

I- Đọc thành tiếng (6 điểm)

Đọc một đoạn trích dưới đây trong bài Tập đọc đã học (SGK Tiếng Việt 2, tập một) và trả lời câu hỏi (TLCH); sau đó tự đánh giá, cho điểm theo hướng dẫn ở Phần hai (Giải đáp – Gợi ý).

(1) *Phần thưởng* (từ *Na là một cô bé tốt bụng đến chưa giỏi* – Đoạn 1) TLCH: Kể những việc làm tốt của bạn Na.

(2) *Làm việc thật là vui* (từ *Như mọi vật đến lúc nào cũng vui.*) TLCH: Bé làm những việc gì?

(3) *Bạn của Nai Nhỏ* (từ *Một lần khác đến chạy như bay* – Đoạn 3)

TLCH: Khi thấy lão Hồ hung dữ, bạn của Nai Nhỏ đã làm gì? (4) *Bím tóc đuôi sam* (từ *Tan học đến các bạn gái* – Đoạn 4) TLCH: Tan học, Tuấn đến gặp Hà để làm gì?

(5) *Người thầy cũ* (từ *Giữa cảnh nhộn nhịp đến thầy giáo cũ* – Đoạn 1) TLCH: Bó Dững đến trường làm gì?

II- Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)

Người học trò và con hổ

Một con hổ bị sập bẫy đang nằm chờ chết. Chợt thấy người học trò đi qua, hổ cầu xin:

- Cứu tôi với, tôi sẽ biết ơn cậu suốt đời!

Người học trò liền mở bẫy cứu hổ. Nhưng vừa thoát hiểm, hổ liền trở mặt đòi ăn thịt anh ta. Thấy vậy, thần núi bèn hóa thành vị quan tòa, đến hỏi:

- Có chuyện gì rắc rối, hãy kể lại để ta phán xử.

Người học trò kể lại câu chuyện. Hổ cãi:

- Nói láo ! tôi đang ngủ ngon thì nó đến đánh thức tôi dậy. Tôi phải ăn thịt nó vì tội ấy !

Thần núi nói với hồ:

- Người to thế kia mà ngủ được ở chỗ hẹp này sao? Ta không tin. Hãy thử nằm lại vào đó ta xem !

Hồ vừa chui vào bẫy, thần núi liền hạ cần bẫy xuống, nói:

- Đồ vô ơn. Hãy nằm đó mà chờ chết !

(Theo Truyện dân gian Việt Nam)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

1. Sau khi được người học trò mở bẫy cứu thoát, hồ đã làm gì?
a- Rất biết ơn anh học trò
b- Đòi xé xác anh học trò
c- Đòi ăn thịt anh học trò
2. Thần núi đưa ra lí do gì khiến hồ sẵn sàng chui vào bẫy?
a- Không tin hồ to xác mà lại ngủ được ở chỗ hẹp
b- Không tin hồ to khỏe như thế mà lại bị sập bẫy
c- Không tin hồ đã bị sập bẫy mà lại không chết
3. Thành ngữ nào dưới đây phù hợp nhất với ý nghĩa của câu chuyện?
a- Ôn sâu nghĩa nặng
b- Tham bát bỏ mâm
c- Vong ân bội nghĩa
4. Dòng nào dưới đây gồm 3 từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái?
a- hồ, nằm, cầu xin
b- nằm, cầu xin, cứu
c- nằm, học trò, cứu

B- Kiểm tra Viết

I – Chính tả nghe – viết (5 điểm)

Mưa làm nũng

Đang chang chang nắng Bỗng ào mưa rơi
Sân lúa đang phơi Đã phải vội quét.

Mưa chưa ướt đất Chợt lại xanh trời Bé hiểu ra rồi
- Mưa làm nũng mẹ.

(Nguyễn Trọng Hoàn)

* Chú ý: HS nhờ người khác đọc từng câu để ghép lại bài thơ trên giấy kẻ ô li cho đúng chính tả.

II- Tập làm văn (5 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể về lớp học và việc học tập của em, theo gợi ý dưới đây:

- a) Em học lớp nào? Lớp học của em có bao nhiêu bạn?
- b) Cô giáo chủ nhiệm lớp em tên là gì?
- c) Hằng ngày đến lớp, em được học tập và vui chơi như thế nào?
- d) Tình cảm của em đối với cô giáo và các bạn trong lớp ra sao?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 10

I- Bài tập về đọc hiểu

Hương nhãn

Trong xanh ánh mắt Trong vắt nhãn lồng Chim ăn nhãn
ngọt Bồi hồi nhớ ông !

Ngày ông trồng nhãn Cháu còn bé thơ Vâng lời ông dặn
Cháu tưới cháu che.

Mấy mùa hè đến Bao mùa đông sang Vành non vậy gọi Lá
xanh ngút ngàn.

Nay mùa quả chín
Thơm hương nhãn lồng Cháu ăn nhãn ngọt Nhớ ông vun
trồng
(Trần Kim Dũng)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

- Hình ảnh nào gợi cho người cháu nhớ đến ông? a- Ánh mắt trong xanh
b- Cùi nhãn trong vắt c- Chim về ăn nhãn
- Ngày ông trồng nhãn, cháu ở lứa tuổi nào? a- Lứa tuổi mẫu giáo
b- Lứa tuổi tiểu học

c- Lúa tuổi trung học

3. Cây nhãn lớn lên qua thời gian bao lâu thì kết quả, tỏa hương? a- Qua mấy mùa hè

b- Qua mấy mùa đông c- Qua nhiều năm tháng

(4). Dòng nào dưới đây nêu đúng bài học rút ra từ bài thơ? a- Trồng cây gây rừng

b- Uống nước nhớ nguồn c- Kính trọng ông bà

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Viết lại các từ ngữ vào chỗ trống sau khi đã điền đúng:

a) c hoặc k

- ...on ...iễn/	-...ây....ỏ/.....
- ...ái.... ền/.....	-dòng....ênh/.....

b) l hoặc n

-.....ăng nề/.....	-.....ăng lễ/.....
-số.....ẻ/.....	-nút.....ẻ/.....

c) ngở hoặc ngỗ

-..... nhỏ/.....	-bỏ...../.....
-.....xóm/.....	-.....cửa/.....

2. Gạch dưới các từ chỉ người trong họ hàng có đoạn văn sau và ghi vào hai dòng Họ nội, Họ ngoại:

Gia đình Dung sống cùng với ông nội, bà nội. Cứ vào ngày mùng một Tết hằng năm, họ họ hàng bên nội, bên ngoại lại đến nhà Dung rất đông. Này nhé, buổi sáng thì có ông ngoại, bà ngoại, các bác, các chú cùng các cô, các thím, các

dì. Buổi chiều có cậu, mợ và cả các cháu của ba má đến chơi. Dung được vui vầy cùng các anh, chị và các em, lại được họ hàng mừng tuổi, vui oi là vui!

- Họ nội:.....

- Họ ngoại:

3. Đặt dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi thích hợp vào ô trống trong mẫu chuyện vui :

Ba má

Giờ Học văn, phần từ ngữ ứng dụng có từ *ba má* ☐ Học sinh đọc xong, cô giáo hỏi về nghĩa từ:

- Các con hiểu từ *ba má* nghĩa là gì ☐ *Tùn* nhanh nhẩu xung phong trả lời:

- Thừa cô, *ba má* là hai má của cô và một má của con nữa ạ

(Theo Lê Phương Nga) ☐

4. Viết đoạn văn (khoảng 5 câu) kể về một người thân trong gia đình em. (ông/ bà, bố/ mẹ, anh/ chị hoặc em ruột...)

Gợi ý:

a) Ông/ bà (bố / mẹ, anh / chị hoặc em ruột....) của em bao nhiêu tuổi?

b) Ông/ bà (bố/ mẹ, anh/ chị hoặc em ruột) của em làm nghề gì (hoặc đang học ở đâu)?

c) Ông/ bà (bố/ mẹ, anh/ chị hoặc em ruột) của em yêu quý, gần gũi đối với em như thế nào?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 11

I- Bài tập về đọc hiểu

Nỗi đau

Côn được thuốc cho bà, lòng Côn (1) lâng lâng nghĩ đến ngày bà khỏe dậy. Bà sẽ chọn những quả trứng gà ấp không nở cho hai anh em luộc ăn. Bà dẫn Côn ra vườn chỉ những trái chín, Côn trèo lên cây hái xuống, đem vào bàn thờ mẹ thắp hương...

Côn đi như chạy một mạch từ Vinh về tới cầu Hữu Biệt thì thấy anh Khiêm(2) đang hỏi hã lao về phía mình, vừa gọi vừa khóc: "Côn ơi..! Bà...bà..ch..ế..t..rồi !"

Côn khựng lại, hai tay ôm lấy mặt. Khiêm đỡ em vào vòng tay mình để khỏi ngã. Một đám mây như dải băng trắng trôi qua ngọn núi Độc Lôi, che khuất mặt trời, Côn bước nặng nề trong vùng bóng râm âm đạm, giữa cánh đồng chiêm mênh mông. Côn nấc từng tiếng: "Bà.. ơi ! Bà...ơi !"

(Theo Sơn Tùng)

(1)**Côn**: tên Bác Hồ thời còn nhỏ. (2)**Khiêm**: tên người anh ruột của Bác Hồ. Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

- Đoạn 1 ("Côn được thuốc.. thắp hương") kể về tình cảm của Côn với ai? a- Với bà
b- Với mẹ c- Với anh
- Côn được anh Khiêm báo tin bà mất khi mang thuốc về đến đâu? a- Về đến núi Độc Lôi
b- Về đến cầu Hữu Biệt c- Về đến cánh đồng làng

3. Dòng nào dưới đây nêu đúng các từ ngữ tả nỗi đau của Côn khi biết tin bà mất?

a- Hai tay ôm lấy mặt; bước nặng nề; âm ảm; nấc từng tiếng

b- Khựng lại; ngã vào vòng tay anh; bước nặng nề; nấc từng tiếng c- Khựng lại; hai tay ôm lấy mặt; bước nặng nề; nấc từng tiếng

(4). Có thể thay tên bài văn bằng cụm từ nào dưới đây? a- Lấy thuốc cho bà

b- Sự mất mát lớn lao c- Một ngày đau khổ

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Viết lại các câu và từ ngữ dưới đây sau khi đã điền đúng:

a) g hoặc gh

- Chú Thịnh cura..ỗ để đóng.....ế.

.....

- Cô Hồngi vào sổ.....óp ý bệnh viện.

.....

b) s hoặc x

-.....ả rác/.....

-củ.....ả/.....

-sảnuất/.....

-năng.....uất/.....

c) ươn hoặc ương

-giọt s...../.....

-s.....núi/.....

-mái tr...../.....

-tr..... sát đất/.....

2. Điền từ chỉ đồ vật trong gia đình vào chỗ trống thích hợp:

Quây quần trong bếp

.....để nấu cơm Thái thịt, chặt xương Đặt trên cái.....
..... để uống nước
..... để pha trà

Mỗi người trong nhà Ăn cơm bằng..... Thức ăn cần xúc
Thì đã có..... Quả dưa quả lê Dùng.....gọt vỏ.
(Từ cần điền: dao, thớt, bát, thìa, nồi, cốc, ấm)

3. Tìm từ chỉ hoạt động thích hợp điền vào chỗ trống:

M: *cắt* bánh

(1)cơm	(2)nước	(3).....rau
(4).....thịt	(5)cá	(6).....trứng

4. a) Viết lời an ủi của em đối với ông (bà) trong mỗi tình huống sau: (1) Khi trận mưa to vừa làm vườn cây của ông (bà) bị ngập úng.

.....
.....

(2) Khi đàn vịt của ông (bà) vừa bị chết bởi trận dịch cúm gia cầm

.....
.....

b) Viết một bức thư ngắn (giống như viết bưu thiếp) thăm hỏi ông bà ở quê vừa trải qua một trận lũ làm ngập cả nhà cửa, đồng ruộng (hoặc gặp thiên tai khác, như: hạn hán, sâu bọ phá hoại mùa màng....)

Gợi ý:

- Dòng đầu ghi thế nào? (VD: Hà Nội, ngày.. tháng...năm...)

- Dòng thứ hai viết cách xưng hô ra sao? (VD: Ông bà kính mến! / Ngoại yêu quý của cháu !)
- Nội dung cần viết điều gì để thăm hỏi ông bà? (VD: thăm hỏi về nhà cửa, ruộng vườn....về sức khỏe của ông bà)
- Cuối thư viết thêm điều gì? (VD: lời động viên, an ủi ông bà,.....lời hứa hẹn của em, lời chúc ông bà...) Cháu của ông bà kí tên....

.....ngày.....tháng.....năm.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 12

I- Bài tập về đọc hiểu

Câu chuyện về quả cam

Gia đình nọ có hai đứa con. Một hôm người cha làm vườn thấy một quả cam chín. Ông hái đem về cho cậu con trai nhỏ.

- Con ăn đi cho chóng lớn!

Cậu bé cầm quả cam thích thú: "Chắc ngon và ngọt lắm đây". Bỗng cậu nhớ đến chị: "Chị ấy đang làm cỏ, chắc rất mệt".

Cậu đem quả cam tặng chị. Người chị cảm ơn em và nghĩ: "Mẹ đang cuốc đất, chắc là khát nước lắm". Rồi cô mang tặng mẹ. Người mẹ sung sướng nói:

- Con gái tôi ngoan quá !

Nhưng người mẹ cũng không ăn mà để phần người chồng làm lụng vất vả. Buổi tối, nhìn quả cam trên bàn, người cha xoa đầu các con âu yếm. Sau đó, ông bỏ quả cam thành bốn phần để cả nhà cùng ăn.

(Theo Lê Sơn)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Quả cam chín do người cha hái đã lần lượt đến với ai? a- Cậu con trai, người mẹ, người chị, người cha
b- Cậu con trai, người chị, người mẹ, người cha c- Cậu con trai, người mẹ, người cha, người chị
2. Vì sao khi được bố cho quả cam chín, cậu con trai không ăn? a- Vì nghĩ đến bố làm lụng vất vả, cần uống nước
b- Vì nghĩ đến mẹ đang cuốc đất, rất khát nước c- Vì nghĩ đến chị đang làm cỏ, chắc rất mệt
3. Câu chuyện ca ngợi lòng tốt của những ai?

a- Người cha, người mẹ b- Cha, mẹ và hai con c- Cha và hai người con **(4)**. Câu tục ngữ nào dưới đây phù hợp nhất với ý nghĩa của câu chuyện? a- Ăn ở có nhân mười phần chẳng thiệt

b- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

c- Thương người như thể thương thân.

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Viết các từ ngữ vào chỗ trống sau khi đã điền đúng:

a) **ng** hoặc **ngh**

-.....ỉ.....oi/.....	-.....e.....óng/.....
-.....õ.....àng/.....	-.....ô.....ê/.....

b) **tr** hoặc **ch**

-.....ải đầu/.....	-.....ải rộng/.....
-.....ạm gác/.....	-.....ạm tay/.....

c) **at** hoặc **ac**

-bát ng...../.....	-ngơ ng...../.....
-kh.....nước/.....	-kh.....nhau/.....

2. Nối ô chữ ở cột A với ô chữ thích hợp ở cột B rồi viết từ ghép được vào chỗ trống:

A

B

chăm	dưỡng
nuôi	sóc
dạy	dỗ
bảo	ban
vồ	bảo
khuyên	vê

M: nuôi dưỡng

3. Đặt một dấu phẩy vào chỗ cần thiết trong mỗi câu sau rồi chép lại: (1) Mẹ mua cho Tuấn đầy đủ sách vở quần áo để đến trường

.....

..... (2) Con cái phải ngoan ngoãn chăm chỉ và nghe lời cha mẹ

.....

.....

4. a) Viết vào chỗ trống lời trao đổi của em khi gọi điện thoại đến nhà bạn thì gặp mẹ của bạn nghe máy:

- A lô ! Tôi là Hảo nghe đây.

-.....

- Cháu đợi một chút để cô gọi Nga nhé!

b) Viết vào chỗ trống lời trao đổi của em với bạn qua điện thoại sao cho phù hợp:

- A lô ! Cháu là Bằng, con mẹ Tuyết, nghe đây ạ?

- Bằng đấy à ! Mình Long đây. Chiều mai, chúng mình rủ nhau đến thăm thầy Quý nhân ngày 20 tháng 11. Bằng có đi được không?

-.....

- Thế thì, đúng 4 giờ chiều chúng mình tập trung ở nhà bạn Tú rồi cùng đi nhé !

-.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 13

I- Bài tập về đọc hiểu:

Quà tặng cha

Một bữa, chàng sinh viên Pa-xcan đi học về khuya thấy người cha vẫn cặm cụi làm việc. Cha đang mải mê với những con số vì phải kiểm tra sổ sách. Trong óc nhà toán học trẻ tuổi lóe ra một tia sáng. Anh lặng lẽ trở về phòng, vạch một sơ đồ gì đó trên giấy.

Mười hôm sau, người cha ngạc nhiên thấy con ôm một vật lạ đặt trên bàn, nói :

- Con hi vọng món quà nhỏ này có thể làm cha bớt nhức đầu vì những con tính !

Thì ra, đó là một thứ máy cộng trừ mà Pa-xcan đã đặt hết tình cảm của người con vào việc chế tạo. Đó cũng là chiếc máy tính đầu tiên trên thế giới, tổ tiên xa xưa của những máy tính điện tử hiện đại ngày nay.

(Theo Lê Nguyên Long – Phạm Ngọc Toàn) Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Một hôm đi học về khuya, Pa-xcan thấy cha đang làm gì? a- Cặm cụi vẽ các sơ đồ trên tờ giấy
b- Mải mê tính toán kiểm tra sổ sách c- Mải mê làm các bài toán trên giấy.
2. Để bớt vất vả trong công việc, Pa-xcan đã chế tạo ra vật gì tặng cha? a- Máy tính hiện đại
b- Máy tính điện tử c- Máy tính cộng trừ
3. Món quà tặng cha thể hiện tình cảm gì của Pa-xcan? a- Yêu thương cha
b- Kính trọng cha

c- Nhớ thương cha

(4). Có thể dùng cụm từ nào dưới đây để đặt tên khác cho câu chuyện? a- Món quà của Pa-xcan

b- Món quà tình nghĩa c- Món quà nhỏ nhắn

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. a) Viết lại các từ ngữ sau khi điền đúng **iê** hoặc **yê**:

- đ...m tốt → -...n tâm →

-chu..n cần → -t...n bộ →

b) Đặt câu để phân biệt các từ trong mỗi cặp: (1) rề - dễ

- (rề).....

-(dễ) (2) nghỉ - nghĩ

- (nghỉ)

- (nghĩ).....

2. Xác định các bộ phận của từng câu và viết vào bảng dưới: (1) Em nhặt rau giúp mẹ

(2) Bé Thu chạy lon ton trong nhà. (3) Hai chị em mở cửa đón mẹ về.

Ai	Làm gì?
(1).....	
(2).....	
(3).....	

3. Ghép từ ngữ ở cột A với từ ngữ thích hợp ở cột B để thành câu theo mẫu "Ai làm gì"

A

B

(1) Bà
(2) Chị Tâm và em
(3) Mẹ
(4) Gia đình em

(a) đi nghỉ mát ở Nha Trang
(b) hát ru cho con ngủ
(c) kể chuyện cho cháu nghe
(d) cùng nhau tưới cây trong vườn

4. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể về một buổi sum họp trong gia đình em.

Gợi ý:

- a) Gia đình em thường quây quần đông đủ vào lúc nào?
- b) Từng người trong gia đình em lúc đó làm gì?
- c) Nhìn cảnh sum họp đầm ấm của gia đình, em có cảm nghĩ gì?

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 14

I – Bài tập về đọc hiểu:

Ai đáng khen nhiều hơn?

Ngày nghỉ, thỏ Mẹ bảo hai con:

- Thỏ Anh lên rừng kiếm cho mẹ mười chiếc nấm hương, Thỏ Em ra đồng cỏ hái giúp mẹ mười bông hoa thật đẹp !

Thỏ Em chạy tới đồng cỏ, hái được mười bông hoa đẹp về khoe với mẹ. Thỏ Mẹ nhìn con âu yếm, hỏi:

- Trên đường đi, con có gặp ai không?
- Con thấy bé Sóc đứng khóc bên gốc ổi, mẹ ạ.
- Con có hỏi vì sao Sóc khóc không?
- Không ạ. Con vội về vì sợ mẹ mong.

Lát sau, Thỏ Anh về, giỏ đầy nấm hương. Thỏ Mẹ hỏi vì sao đi lâu thế, Thỏ Anh thưa:

- Con giúp cô Gà Mơ tìm Gà Nhép bị lạc nên về muộn, mẹ ạ. Thỏ Mẹ mỉm cười, nói:
- Các con đều đáng khen vì biết vâng lời mẹ. Thỏ Em nghĩ đến mẹ là đúng, song Thỏ Anh còn biết nghĩ đến người khác nên đáng khen nhiều hơn !

(Theo Phong Thu)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Ngày nghỉ, Thỏ Mẹ bảo hai con làm việc gì giúp mẹ?

a- Thỏ Anh kiếm vài chiếc nấm hương; Thỏ Em hái một vài bông hoa. b- Thỏ Em kiếm mười chiếc nấm hương; Thỏ Anh hái mười bông hoa. c- Thỏ Anh kiếm mười chiếc nấm hương; Thỏ Em hái mười bông hoa.

2. Hai anh em hoàn thành công việc như thế nào?

a- Thỏ Em về đến nhà trước Thỏ Anh b- Thỏ Anh về đến nhà trước Thỏ Em c- Thỏ Em về đến nhà bằng Thỏ Anh

3. Vì sao Thỏ Mẹ nói Thỏ Anh đáng khen nhiều hơn?

a- Vì Thỏ Anh biết nghĩ đến mẹ đang sốt ruột chờ mong b- Vì Thỏ Anh biết nghĩ đến mẹ và cả những người khác c- Vì Thỏ Anh nghĩ đến người khác rồi mới nghĩ đến mẹ.

(4). Theo em, nếu Thỏ Em làm thêm việc gì nữa thì cũng được khen như Thỏ Anh?

a- Hái thêm mười chiếc nắm hương như Thỏ Anh b- Hỏi bé Sóc vì sao lại khóc để có thể giúp đỡ bé c- Giúp cô Gà Mơ tìm Gà Nhép bị lạc trở về nhà

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Viết lại các từ ngữ vào chỗ trống sau khi đã điền đúng:

a) l hoặc n

-.....iêm vui/.....	- búa.....iêm/.....
-tiaăng/.....	-....ăng nghe/.....

b) it hoặc iêt

-quả m...../.....	-mãi m...../.....
-quay t...../.....	-t.....học /.....

c) ăt hoặc ăc

-màu s...../.....	-s.....thép/.....
-b..... câu/.....	-b.....tay/.....

2. Gạch dưới các từ ngữ chỉ tình cảm thương yêu của anh đối với em trong đoạn thơ sau:

Khi em bé khóc Anh phải dỗ dành

Nếu em bé ngã Anh nâng dịu dàng

Mẹ cho quà bánh Chia em phần hơn Có đồ chơi đẹp
Cũng nhường em luôn

Làm anh thật khó Nhưng mà thật vui Ai yêu em bé
Thì làm được thôi !

(Phan Thị Thanh Nhàn)

3. Điền vào ô trống dấu chấm hoặc dấu chân hỏi:

Mèo rửa mặt

Một con mèo chộp được một chú sẻ, định ăn thịt Sẻ lễ phép nói:

- Thưa anh, tại sao một người sạch sẽ như anh trước khi ăn sáng lại không rửa mặt

Mèo đặt sẻ xuống, đưa hai chân lên vuốt ria, xoa mép Sẻ vụt bay mất Mèo tức lắm
nhưng chẳng làm gì được.

4. Quan sát tranh, rồi trả lời câu hỏi:



a) Tranh vẽ bạn trai đang làm gì?

.....

.....

.....

b) Bé gái nằm ngủ trên võng trông như thế nào? Mái tóc của bé ra sao?

.....

.....

.....

c) Cảnh trong tranh cho thấy tình cảm anh em như thế nào?

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 15

I- Bài tập về đọc hiểu

Hai anh em

Ngày xưa, có hai anh em mồ côi cha mẹ. Hằng ngày, anh lên rừng kiếm củi bán lấy tiền nuôi em. Cô em ở nhà chăm sóc mảnh vườn, ca hát, vui đùa với bầy chim nhỏ.

Tiếng hát của cô bé được gió mang đi rất xa, lọt vào tai quỷ dữ. Quỷ tìm cách bắt cô bé và bầy chim, nhốt vào lồng sắt để hát cho nó nghe. Nhưng cô bé quyết không hát cho quỷ dữ. Quỷ bèn bỏ đói cô bé và bầy chim.

Được tin em gái bị quỷ bắt, người anh vội lên đường đi cứu. Anh vượt qua bao núi cao, rừng rậm, cuối cùng đến nơi quỷ nhốt em gái trên cây cao. Mặc gai đâm, gió quật, người anh gắng sức trèo lên ngọn cây, dùng dao chặt đứt nan lồng, giải thoát cho bầy chim và em gái.

Mùa xuân lại đến. Núi rừng, thôn xóm lại rộn ràng lời ca tiếng hát của cô bé và bầy chim nhỏ.

(Theo Hoàng Anh Đường)

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng

- Hằng ngày, người anh phải làm việc gì để lấy tiền nuôi em?
a- Chăm sóc mảnh vườn
b- Lên rừng kiếm củi
c- Cả hai việc nói trên
- Quỷ dữ bắt cô bé và bầy chim nhốt vào lồng sắt để làm gì?
a- Để hát cho quỷ nghe
b- Để múa cho quỷ xem
c- Để chơi đùa với quỷ
- Người anh làm thế nào để giải thoát cho bầy chim và em gái?

a- Dùng dao chặt cây, phá lồng sắt b- Dùng dao bắt quỷ dữ mở lồng sắt c- Dùng dao chặt đứt nan lồng sắt

(4).Câu chuyện ca ngợi điều gì là chủ yếu? a- Tình cảm anh em thật đẹp đẽ

b- Tiếng hát tuyệt vời của cô bé c- Lòng dũng cảm của người anh

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. a) Gạch dưới chữ viết sai chính tả (s /x) rồi chép lại từng câu cho đúng: (1) Bé xay xua đứng ngắm hoa xúng nở sen lẫn với hoa xen trong hồ.

.....
.....

(2) Con chim xẻ đậu trên sà nhà bỗng xà xuống xát đất rồi bay vụt qua cửa sổ.

.....
.....
.....

b) Viết lại các từ ngữ sau khi điền vào chỗ trống **ai** hoặc **ay**:

- gà m...../.....	- xe m...../.....
-bàn ch...../.....	-nước ch...../.....

2. Đặt câu với mỗi từ chỉ đặc điểm:

a) chăm chỉ

.....
.....

b) xanh mướt

.....

.....

c) tròn xoe

.....

.....

3. Điền từ ngữ thích hợp vào ô trống để được câu văn tả đặc điểm của người:

Ai (cái gì, con gì)	Thế nào?
Đôi mắt của bà nội	
Giọng nói của mẹ	
Dáng người của bố	

4. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể về anh hoặc chị, em trong gia đình (hoặc họ hàng) của em.

Gợi ý:

a) Anh (chị,em) của em tên là gì?

b) Anh (chị,em) đang làm hay học ở đâu?

c) Anh (chị,em) có điểm gì nổi bật (về hình dáng, tính tình)?

d) Tình cảm của em đối với anh (chị,em) như thế nào?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 16

I- Bài tập về đọc hiểu

Mèo Vàng

Mỗi lần Thùy đi học về, Mèo Vàng đều sán đến quần quýt bên chân em. Nó rồi rít gọi "meo...meo..." cho tới lúc Thùy cất xong cặp sách, bé Mèo Vàng lên mới thôi. Lúc ấy sao mà Mèo Vàng đáng yêu thế ! Mèo lim dim mắt, rên "grừ..grừ..." khe khẽ trong cổ ra chiều nũng nịu. Thùy vừa vuốt nhẹ bàn tay vào đầu Mèo Vàng vừa kể cho nó nghe những chuyện xảy ra ở lớp:

- Mèo Vàng có biết không? Chị học thuộc bài, cô cho chị điểm 10 đấy.
- Cái Mai hôm nay nói chuyện trong lớp, bị cô phạt. Mèo có thương Mai không?

"Meo..meo...grừ...grừ...". Mỗi khi nghe hết một chuyện, Mèo Vàng lại thích thú kêu lên nho nhỏ như thể nói với Thùy: "Thế ư? Thế ư?"

(Hải Hồ)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

1. Mỗi lần Thùy đi học về, Mèo Vàng đều làm gì?
a- Quần quýt bên chân Thùy, rồi rít gọi "meo...meo..." b- Quần quýt bên chân Thùy, rồi rít đòi Thùy bế vào lòng c- Quần quýt bên chân Thùy, đòi Thùy cất xong cặp sách
2. Thùy kể cho Mèo Vàng nghe những chuyện xảy ra ở đâu? a- Trên đường đi
b- Ở sân trường c- Ở lớp học
3. Chuyện Thùy kể cho Mèo Vàng nghe là những chuyện thế nào? a- Cả chuyện vui và chuyện buồn
b- Toàn chuyện rất vui của Thùy

c- Toàn chuyện buồn của bạn Mai

(4). Dòng nào dưới đây nêu đúng ý chính của bài văn?

a- Thùy thích vuốt ve Mèo Vàng sau mỗi buổi đi học về nhà. b- Thùy yêu quý Mèo Vàng, coi nó như người thân trong nhà.

c- Thùy thích kể những chuyện xảy ra ở lớp cho Mèo Vàng nghe.

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Viết các từ ngữ vào chỗ trống sau khi đã điền đúng:

a) tr hoặc ch

- bánh ...ung/.....	-sáng.....ung/.....
-.....ung thành/.....	-.....ung sức/.....

b) ui hoặc uy

-yêu q...../.....	-c..... đầu/.....
-tàu th...../.....	-đen th...../.....

c) ao hoặc au

-số s...../.....	-con s...../.....
-m.....gà/.....	-m.....xanh/.....

2. Điền vào chỗ trống từ trái nghĩa với từ cho trước:

(1) lười/..... (2) yếu/..... (3) hiền/..... (6) béo /.....
(4) cao/..... (5) to/.....

3. Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ chỉ đặc điểm phù hợp ở cột B: A B

(1) Bộ lông Mèo Vàng
(2) Chiếc sung trâu

(a) béo tròn
(b) mịn mượt

(3) Chú lợn lai
(4) Tai chó

(c) rất thính nhạy
(d) nhọn hoắt

4. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể về một con vật nuôi trong nhà mà em biết:

Gợi ý:

- a) Đó là con gì? Do ai nuôi (hoặc: em nhìn thấy nó ở đâu)?
- b) Con vật đó có đặc điểm gì nổi bật về hình dáng, hoạt động?
- c) Thái độ của em đối với con vật ấy ra sao?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 17

I- Bài tập về đọc hiểu

Con chó Phèn của tôi

Trên đường hành quân đi đánh giặc, tôi không sao quên được hình ảnh con chó Phèn bị lính ngụy bắn trọng thương, mang vết thương đi trong đêm tối.

Tôi mơ thấy con Phèn lê lết, tru trống qua một quãng đồng dài, qua sông rạch, mò về tới một vùng lau lách. Con vật đáng thương đó trườn mình đến hai ngôi mả nằm giữa những thân lau xào xạc. Nó rên nho nhỏ rồi thè lưỡi liếm đất trên mả. Đôi mắt Phèn long lanh, ướt rượt dưới ánh sao. Máu con vật vẫn rỉ rả chảy ra. Máu đọng thành vũng chỗ nó nằm, thấm vào mả. Cuối cùng, tôi nghe con vật tru lên một hồi dài...

Giật mình tỉnh dậy, tôi mở mắt và thấy rõ mình đang đóng quân giữa vườn cao su mà vẫn nghe tiếng tru. Tiếng tru rên rỉ, thê thảm của con Phèn tưởng như còn nghe thấy hoài, không bao giờ dứt.

(Theo Anh Đức)

* **Ngôi mả:** ngôi mộ

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Trên đường hành quân, tác giả không quên được hình ảnh gì? a- Con chó Phèn bị lính ngụy bắt trong đêm.
b- Con chó Phèn bị bắn chết trong đêm tối.
c- Con chó Phèn bị lính ngụy bắn trọng thương.
2. Tác giả mơ thấy con chó Phèn bị thương đã tìm đến đâu? a- Đến bên cạnh hai ngôi mả
b- Trên một quãng đồng dài c- Cạnh một vùng lau lách
3. Dòng nào dưới đây nêu đúng hai từ tả tiếng tru của con Phèn ở đoạn cuối ("Giật mình... không bao giờ dứt.")?

a- nhỏ nhỏ, rên rĩ

b- nhỏ nhỏ, thê thảm c- rên rĩ, thê thảm

(4). Vì sao tác giả tưởng như nghe thấy hoài tiếng tru của con chó Phèn? a- Vì tác giả luôn nhớ đến hình ảnh con chó Phèn thân thương

b- Vì tác giả không quên được hình ảnh con Phèn bị giặc bắn c- Vì tác giả luôn day dứt trước cái chết bi thảm của con Phèn

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. a) Ghép tiếng ở cột A với tiếng thích hợp ở cột B rồi viết vào chỗ trống: A B

giữ	dội
dữ	gìn
giám	làm
dám	má
rám	độc

b) Tìm tiếng chứa vần **et** hoặc **ec** điền vào chỗ trống cho phù hợp: Lợn kêu eng.....

Sấm.....vang trời Mưa rơi.....đệ Gió về rong chơi.

(Theo Lê Ta)

2. Điền từ chỉ đặc điểm thích hợp để hoàn chỉnh các thành ngữ sau: (1).....như voi

(2).....như hổ (cọp) (3).....như sên

(4).....như vịt (5).....như nghệ (6).....như tàu lá (7).....như gỗ mun (8).....như
tơ

Từ cần điền:

Yếu, khỏe, dữ, thấp, xanh,
vàng, óng mượt, đen

3. Chọn 2 thành ngữ ở bài tập 2 để đặt 2 câu nói về đặc điểm của người hoặc sự vật

(1).....

.....

(2).....

.....

4. Dựa theo cách lập Thời gian biểu của bạn Ngô Phương Thảo (SGK Tiếng Việt 2, tập một, trang 132), hãy lập Thời gian biểu của em.

* Chú ý: Em có thể lập Thời gian biểu của cả ngày thường và ngày nghỉ như bạn Thảo hoặc chỉ viết Thời gian biểu của ngày thường. Căn cứ vào công việc hay hoạt động cụ thể của em để xác lập Thời gian biểu, không nhất thiết viết hết các dòng trống trong bảng ở dưới.

Thời gian biểu

Họ và tên:..... Lớp..... Trường Tiểu học.....

Hoạt động, công việc

Thời gian

Sáng-.....-.....-.....	
Trưa-.....-.....	
Chiều-.....-.....-.....-.....-.....	
Chiều-.....-.....-.....-.....	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 18- Ôn tập cuối học kì I

A- Kiểm tra đọc

I- Đọc thành tiếng (6 điểm)

Đọc một đoạn trích dưới đây trong bài Tập đọc đã học (SGK Tiếng Việt 2, tập một) và trả lời câu hỏi (TLCH); sau đó tự đánh giá, cho điểm theo hướng dẫn ở Phần hai (Giải đáp – Gợi ý).

(1) Sang kiến của bé Hà (từ *Đến ngày lập đông đến của cháu đấy*. – Đoạn 3) TLCH: Bé Hà đã tặng ông bà món quà gì?

(2) Bà cháu (từ *Cô tiên lại hiện lên đến chỉ cần bà sống lại* – Đoạn 4) TLCH: Hai anh em òa khóc xin cô tiên điều gì?

(3) Cây xoài của ông em (từ *Ông em trồng cây xoài cát này đến bày lên bàn thờ ông*.)

TLCH: Mùa xoài nào mẹ cũng chọn những quả chín và to nhất để làm gì?

(4) Sự tích cây vú sữa (từ *Những bông hoa màu xanh đến vẻ đẹp của hoa* – Đoạn 2)

TLCH: Cậu bé vừa chạm môi vào quả thì chuyện gì xảy ra?

(5) Bông hoa Niềm vui (từ *Những bông hoa màu xanh đến vẻ đẹp của hoa* – Đoạn 2)

TLCH: Vì sao Chi không dám tự ý ngắt bông hoa Niềm Vui?

II- Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)

Hoa giấy

Trước nhà, mấy cây bông giấy nở hoa tung bùng.

Trời càng nắng gắt, hoa giấy càng bông lên rực rỡ. Màu đỏ thắm, màu tím nhạt, màu da cam, màu trắng muốt tinh khiết. Cả vòm cây lá chen hoa bao trùm lấy ngôi nhà lẫn mảnh sân nhỏ phía trước. Tất cả như nhẹ bồng, tưởng chừng chỉ cần một trận gió ào qua, cây bông giấy trĩu trĩu hoa sẽ bốc bay lên, mang theo cả ngôi nhà lang thang giữa bầu trời.

Hoa giấy đẹp một cách giản dị. Mỗi cánh hoa giống hệt một chiếc lá, chỉ có điều mỏng manh hơn và có màu sắc rực rỡ. Lốp lốp hoa giấy rải kín mặt sân, nhưng chỉ cần một làn gió thoảng, chúng tản mát bay đi mất.

Tôi rất yêu những bông hoa giấy. Chúng có một đặc điểm không giống nhiều loài hoa khác: Hoa giấy rời cành khi còn đẹp nguyên vẹn; những cánh hoa mỏng tang rung rinh, phập phồng run rẩy như đang thổi, không có một mảy may biểu hiện của sự tàn úa.

(Theo Trần Hoài Dương)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Hoa giấy nở rực rỡ khi nào?
a- Khi trời nắng nhẹ
b- Khi trời nắng gắt
c- Khi trời nắng tàn
2. Hoa giấy có những màu sắc gì?
a- Đỏ thắm, tím nhạt, da cam, trắng đục
b- Đỏ thắm, tím nhạt, vàng tươi, trắng muốt
c- Đỏ thắm, tím nhạt, da cam, trắng muốt
3. Hình ảnh nào cho thấy hoa giấy nhiều vô kể?
a- Vòm cây lá chen hoa
b- Hoa giấy rải kín mặt sân
c- Cây bông giấy trĩu trĩu hoa.
4. Câu "Hoa giấy đẹp một cách giản dị." thuộc kiểu câu nào em đã học?
a- Ai là gì?
b- Ai làm gì?
c- Ai thế nào?

B- Kiểm tra Viết

I- Chính tả nghe – viết (5 điểm)

Thì thầm

Gió thì thầm với lá Lá thì thầm với cây Và hoa và ong bướm
Thì thầm điều chi đây?

Trời mênh mông đến vậy Đang thì thầm với sao Sao trời tưởng yên lặng Lại thì thầm cùng nhau.

(Phùng Ngọc Hùng)

* Chú ý: HS nhờ người khác đọc từng câu để chép lại bài thơ trên giấy kẻ ô li cho đúng chính tả.

II- Tập làm văn (5 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể về gia đình thân yêu của em, theo gợi ý dưới đây:

- a) Gia đình em gồm có mấy người? Đó là những ai?
- b) Nói về từng người trong gia đình em (VD: Mẹ em làm nghề gì, ở đâu..)
- c) Em yêu quý những người trong gia đình em như thế nào?

.....
.....
.....
.....

Tuần 19

I- Bài tập về đọc hiểu

Mùa xuân bên bờ sông Lương

Tuy rét vẫn kéo dài, mùa xuân đã đến bên bờ sông Lương. Mùa xuân đã điểm các chùm hoa đỏ mọng lên những cành cây gạo chót vót giữa trời và trải màu lúa non sáng dịu lên khắp mặt đất mới cách ít ngày còn trần trụi, đen xám. Trên những bãi đất phù sa mịn hồng mon mơn, các vòm cây quanh năm xanh um đã dần dần chuyển màu lốm đốm như được rắc thêm một lớp bụi phấn hung hung vàng. Các vườn nhãn, vườn vải đang trở hoa. Và hai bên ven con sông nước êm đềm trong mát, không một tấc đất nào bỏ hờ. Ngay dưới lòng sông, từ sát mặt nước trở lên, những luống ngô, đỗ, lạc, khoai, cà... chen nhau xanh rờn phủ kín các bãi cát mùa này phơi cạn.

(Nguyễn Đình Thi)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Mùa xuân đã điểm các chùm hoa đỏ mọng lên những đâu?
a- Những cành cây gạo cao chót vót giữa trời
b- Những bãi đất phù sa mịn hồng mon mơn c- Những vòm cây quanh năm luôn xanh um
2. Trên bãi đất phù sa, vòm cây như được rắc thêm lớp bụi phấn thế nào?
a- Mịn hồng mon mơn
b- Hung hung vàng c- Màu vàng dịu
3. Những loại cây nào phủ định kín bãi cát dưới lòng sông cạn?
a- Ngô, đỗ, lạc, vải, khoai
b- Ngô, đỗ, lạc, vải, nhãn c- Ngô, đỗ, lạc, khoai, cà
- (4). Những màu sắc nào xuất hiện bên bờ sông Lương khi mùa xuân đến?

a- Đỏ, đen, hồng, xanh b- Đỏ, hồng, xanh, vàng c- Đỏ, hồng, xanh, đen

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. a) Điền **l** hoặc **n** vào chỗ trống và chép lại khổ thơ sau của Nguyễn Duy: Đồng chiêm
phả.....ắng....ên không,

Cánh cò dẫn gió qua thungúa vàng.

Gió ...âng tiếng hát chói chang,

...ong...anh....ười háiiếm ngang chân trời.

.....
.....
.....
.....
.....

b) Đặt dấu hỏi hoặc dấu ngã lên chữ in đậm và chép lại từ ngữ đúng:

- lí **le**/.....

- số **le**/.....

-loang **lô**/.....

- **lô** vốn/.....

2. Đọc bài ca dao để điền vào ô trống tên tháng (cột A) , tên hoạt động hoặc công việc nhà
nông thường làm (cột B):

Tháng giêng là tháng ăn chơi Tháng hai trồng đậu, trồng khoai, trồng cà

Tháng ba thì đậu đã già Ta đi ta hái về nhà phơi khô

Tháng tư đi tậu trâu bò

Để ta sắm sửa làm mùa tháng năm

Chờ cho lúa có đòng đòng Bây giờ ta sẽ trả công cho người

Bao giờ cho đến tháng mười Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta

Gặt hái ta đem về nhà

Phơi khô quạt sạch ấy là xong công.

A Tháng	B Hoạt động, công việc nhà nông thường làm
.....	Ăn chơi (VD: Tham gia lễ hội, đi lễ chùa...)
.....	Trồng đậu, trồng khoai, trồng cà
Ba	
Tư	
.....	Sấm sừa(chuẩn bị)làm mùa (làm ruộng trồng lúa)
Mười	

3. Trả lời các câu hỏi sau:

(1) **Khi nào** trẻ em được đón Tết Trung thu?

.....

(2) Cô giáo thường khen em **khi nào**?

.....

(3) Ở nhà, em vui nhất **khi nào**?

.....

4. Viết tiếp lời tự giới thiệu và trò chuyện khi em đến nhà bạn mượn quyển truyện, gặp mẹ của bạn ra mở cửa:

- Cháu chào cô ạ !.....

.....

.....

- Thế à ! Phương Anh đang tưới cây ngoài vườn, cháu vào đi.

-.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 20

I- Bài tập về đọc hiểu

Sự tích hai mùa trên đất Tây Nguyên

Từ thuở xa xưa, khi ông bà chưa sinh ra người Xê- đăng, người Ba-na, người Gia- rai... đất rừng Tây Nguyên còn mịt mù, hỗn độn.

Bỗng có một con rồng lửa từ đâu bay lại. Đuôi nó ở vùng núi ngọc Linh, cái đầu đã ở vùng Hồ Lắc. Con rồng cứ quần đảo phun lửa mấy tháng liền. Trời đất khô nóng như rang. Khi nó kiệt sức rơi xuống, cả một vùng đất có màu đỏ như gạch.

Bấy giờ, lại có con rồng nước xuất hiện. Nó cũng to lớn như con rồng lửa. Miệng phun nước trắng trời. Nước phun tới đâu, cây cỏ tươi tỉnh trở lại. Nó bay mãi, bay mãi, đến cao nguyên Plây-cu, còn bao nhiêu nước trong bụng, bèn phun hết xuống thành sông suối.

Từ đó hằng năm, hai con rồng vẫn thay phiên nhau bay đến làm mưa làm nắng thành hai mùa trên đất Tây Nguyên.

(Phỏng theo Truyện cổ các dân tộc ít người) Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Thuở xưa, đất rừng Tây Nguyên thế nào? a- Khô nóng như rang
b- Mịt mù, hỗn độn c- Tối tăm, mù mịt
2. Hai con rồng đã tạo nên hai mùa gì trên đất Tây nguyên? a- Mùa mưa, mùa bão
b- Mùa nắng, mùa gió c- Mùa khô, mùa mưa
3. Câu chuyện cho em biết Tây Nguyên là vùng đất thế nào?

a- Là vùng đất đỏ, có nhiều sông suối b- Là vùng đất đỏ khô nóng như rang c- Là vùng đất luôn xanh tươi, mát mẻ

(4). Dòng nào dưới đây có thể dùng thay thế cho tên bài? a- Câu chuyện về con rồng lửa trên đất tây Nguyên

b- Câu chuyện về con rồng nước trên đất Tây Nguyên c- Câu chuyện về hai con rồng trên đất Tây Nguyên

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Viết lại các từ ngữ vào chỗ trống sau khi đã điền đúng:

a) s hoặc x

-....ôi đồ/.....

-dòngông/.....

-nước..ôi/.....

-.....ông lên/.....

b) iê hoặc iêc

-xem x....../.....

-ch.....lá/.....

-chảy x...../.....

-ch..... cây/.....

2. Điền từ chỉ mùa trong năm (xuân, hạ, thu, đông) thích hợp với chỗ trống trong bài thơ sau:

Trời

Mùa.....

Trời là cái tủ ướp lạnh Mùa.....

Trời là cái bếp lò nung

Mùa.....

Trời thổi lá vàng rơi lá tả

(Theo Lò Ngân Sủn)

Gọi nắng Gọi mưa Gọi hoa Nở ra

Mùa.....

3. Thay cụm từ khi nào trong mỗi câu hỏi dưới đây bằng một cụm từ khác (bao giờ hoặc lúc nào , tháng mấy,mấy giờ...) và viết lại câu hỏi đó:

(1) Khi nào tổ bạn đến thăm gia đình liệt sĩ Võ Thị Sáu?

-.....
.....

(2) Khi nào bạn được về quê cùng gia đình?

-.....
.....

(3) Bạn xem bộ phim này khi nào?

-.....
.....

(4) Bạn có bộ quần áo mới này khi nào?

-.....
.....

4. Viết một đoạn văn (khoảng 5 câu) nói về cảnh vật mùa thu (hoặc mùa đông) ở quê em.

Gợi ý: Cảnh vật mùa thu (mùa đông) ở quê em có những nét gì nổi bật (trời ra sao, mây thế nào; sông, núi, đồng ruộng, vườn cây có nét gì làm em chú ý ...)? Nhìn cảnh đó, em có cảm nghĩ gì về quê hương?

.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 21

I- Bài tập về đọc hiểu

Chim chiền chiện

Chiền chiện có nhiều nơi còn gọi là sơn ca. Chiền chiện giống sẻ đồng nhưng áo không một màu nâu sồng như chim sẻ. Áo của chiền chiện màu đồng thau, đốm đậm đốm nhạt rất hài hòa. Chiền chiện chân cao và mảnh, đầu rất đẹp, dáng thấp như một kị sĩ.

Chiền chiện có mặt ở khắp nơi, nhất là những vùng trời đất bao la.

Khi chiều thu buông xuống, lúc đã kiếm ăn no nê trên bãi trên đồng, chiền chiện vụt bay lên như viên đá ném vút lên trời. Theo cùng tiếng chim bay lên, từ không trung vọng xuống tiếng hót trong sáng điệu kì, giọng riu ran đồ hồi, âm điệu hài hòa quyến rũ.. Tiếng chim là tiếng nói của sứ giả mặt đất gửi tặng trời. Rồi, tiếng chim lại là tiếng nói của thiên sứ gửi lời chào mặt đất.

(Theo Ngô Văn Phú)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

1. Hình dáng chim chiền chiện có những điểm gì khác chim sẻ? a- Áo màu nâu sồng, chân cao và mảnh, đầu rất đẹp
b- Áo màu đồng thau, chân cao và mảnh, đầu rất đẹp c- Áo màu đồng thua, chân cao và mập, đầu rất đẹp
2. Khi nào chiền chiện vụt bay lên như viên đá ném vút lên trời? a- Khi chiều thu buông xuống, lúc đã kiếm ăn no nê
b- Khi chiều thu buông xuống, lúc đồng bãi vắng vẻ
c- Khi chiều thu buông xuống, vùng trời và đất bao la.
3. Tiếng hót của chim chiền chiện được miêu tả thế nào?
a- Trong sáng điệu kì, riu ran đồ hồi, âm điệu mượt mà quyến rũ b- Trong sáng điệu kì, riu ran đồ hồi, âm điệu hài hòa quyến rũ

c- Trong sáng diệu kì, ríu rít từng hồi, âm điệu hài hòa quyến luyến

(4). Dòng nào dưới đây nêu đúng và đủ nhận xét về tiếng chim chiền chiện? a- Là tiếng nói của sứ giả mặt đất gửi tặng trời

b- Là tiếng nói của thiên sứ gửi lời chào mặt đất c- Là sợi dây gắn bó, giao hòa giữa trời và đất

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Ghép các từ ngữ và viết lại cho đúng chính tả:

a) M:

Trả chả Trở chở	bài → trả bài đò →	Trẻ củ chẻ Trô bông chỗ	
--------------------------	-----------------------------	--	-------------------------

b) tuốt

tuốt tuốc suốt suốc	lúa → ngày →	buột chặt buộc thuột bài thuộc	
------------------------------	-----------------------------	---	----------------------------------

2. Xếp tên các loài chim dưới đây vào đúng cột trong bảng:

Chiền chiện, bồ câu, diều hâu, gà, chích chòe, vịt, tu hú, ngỗng, cú mèo, ngan (Vịt xiêm)

Loài chim nuôi trong nhà	Loài chim sống hoang dại
.....	
.....	
.....	

3. a) Viết câu trả lời cho mỗi câu hỏi:

(1) Người nông dân trồng lúa ở đâu?

-.....

.....

(2) Chim chiền chiện thường hót ở đâu?

-.....

.....

b) Đặt câu hỏi có cụm từ ở đâu cho mỗi câu:

(1) Mẹ dạy em tập viết ở nhà

-.....

(2) Chim hải âu thường bay liệng trên mặt biển

-.....

4. a) Viết lời đáp của em vào chỗ trống:

Em dắt tay một người bạn khiếm thị qua đường. Bạn nói: "Cảm ơn bạn đã giúp đỡ mình !"

Em đáp lại:

.....

b) Viết 2- 3 câu về một loài chim nuôi trong nhà (hoặc chim sống hoang dại) mà em biết.

Gợi ý: Đó là con gì? Hình dáng nó có gì nổi bật (về bộ lông hay đôi cánh, đầu, mỏ, chân..)?

Hoạt động chủ yếu của nó ra sao (hót hoặc bay, nhảy, đi lại, ăn uống, kiếm mồi..)?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 22

I- Bài tập về đọc hiểu:

Những con chim ngoan

Tôi vừa đặt chân tới mép vũng nước, chợt thấy ba con chim non vừa bơi qua, còn một con mới đến bờ.

Chim mẹ thấy tôi, khẽ ra lệnh:

-Pi..u ! Nằm xuống !

Ba con chim non nhất tề nằm rạp xuống bãi cỏ. Riêng con thứ tư nằm bẹp ngay xuống nước. Tôi đến cạnh chú chim ấy. Nó vẫn không nhúc nhích. Toàn thân nó ướt sũng. Thương quá, tôi nhẹ nâng chú chim đặt lên bờ. Nó vẫn nằm như chết. Tôi thử bước đi. Chim mẹ nấp đâu đó, hốt hoảng gọi bầy con:

- Cru, cru...! Nhảy lên ! Chạy đi !

Loáng một cái, cả bốn con chim non bật dậy, vừa kêu chích chích, vừa cắm cắm cổ chạy đến với mẹ.

"À ra thế ! Lũ chim này thật đáng yêu biết bao !".

(Theo N. Xla-tkốp)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Nghe lệnh "Nằm xuống" của chim mẹ, con chim non thứ tư đã làm gì? a- Nằm bẹp ngay xuống nước

b- Nằm rạp ở mép vũng nước c- Nằm rạp ngay xuống bãi cỏ

2. Nghe chim mẹ gọi "Nhảy lên ! Chạy đi !" , cả bốn con chim non đã làm gì? a- Bật dậy, cắm cổ chạy thật nhanh đến với chim mẹ

b- Bật dậy, kêu chích chích, cắm cổ chạy đến với mẹ c- Bật dậy, vừa hốt hoảng chạy vừa kêu chích chích

3. Vì sao tác giả nghĩ rằng "Lũ chim này thật đáng yêu biết bao !"? a- Vì lũ chim ngoan, biết yêu thương mẹ

b- Vì lũ chim rất khôn, biết giả vờ chết c- Vì lũ chim rất ngoan, biết nghe lời mẹ

(4). Theo em, lời khuyên nào dưới đây phù hợp với nội dung câu chuyện? a- Hãy lắng nghe lời nói của cha mẹ

b- Hãy yêu quý những con chim nhỏ c- Hãy ngoan ngoãn, vâng lời cha mẹ

II- Bài tập về chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn 1.Viết lại các từ ngữ vào chỗ trống sau khi đã điền đúng:

a) r hoặc d, gi

-conum/.....	-....um sợ/.....
-.....ừng xanh/.....	-.....ừng lại/.....

b) cổ hoặc cõ

- truyện...../.....	-ăn/.....
-.....bài/.....	-hươu cao...../.....

2. Chọn tên loài chim thích hợp (quạ, cuốc, cò hương, gà, sáo) điền vào mỗi chỗ trống:

(1) Gầy như

(2) Học như.....kêu

(3) Chũ như.....bới

(4).....tắm thì ráo,tắm thì mưa

3. Chép lại đoạn văn dưới đây cho đúng chính tả sau khi đặt dấu chấm hoặc dấu phẩy vào chỗ chấm.

Cò là người bạn thân thiết của người nông dân..... Lúc cày cấy..... khi làm cỏ.... người nông dân luôn có cò bên cạnh.cả trong lời mẹ ru cũng có cánh cò “bay lả bay la”

.....

.....

.....

.....

4. Viết 3 – 4 câu nói về tiếng hót (kêu) của một loài chim mà em biết.

.....

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 23

I- Bài tập về đọc hiểu

Nhà Gấu ở trong rừng

Cả nhà Gấu ở trong rừng. Mùa xuân, cả nhà Gấu kéo nhau đi bẻ măng và uống mật ong. Mùa thu, Gấu đi nhặt quả hạt dẻ. Gấu bố, gấu mẹ, gấu con cùng béo rung rinh, bước đi lạch lè, lạch lè. Béo đến nỗi khi mùa đông tới, suốt ba tháng rét, cả nhà Gấu đứng tránh gió trong gốc cây, không cần đi kiếm ăn, chỉ mút hai bàn chân mỡ cũng đủ no. Sang xuân ấm áp, cả nhà Gấu đi bẻ măng, tìm uống mật ong và đến mùa thu lại nhặt quả hạt dẻ. Gấu bố, gấu mẹ, gấu con lại béo rung rinh, chân lại nặng những mỡ, bước đi lạch lè, lạch lè

(Tô Hoài)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

1. Mùa xuân, Gấu đi kiếm thức ăn gì? a- Măng và hạt dẻ
b- Măng và mật ong c- Mật ong và hạt dẻ
 2. Mùa đông, cả nhà Gấu làm gì? a- Đi nhặt quả hạt dẻ
b- Đi tìm uống mật ong c- Đứng trong gốc cây
 3. Vì sao suốt ba tháng rét, Gấu không cần đi kiếm ăn mà vẫn sống? a- Vì Gấu có nhiều thức ăn để lưu trữ
b- Vì Gấu có hai bàn chân mỡ để mút c- Vì Gấu có khả năng nhịn ăn rất giỏi
- (4). Dòng nào dưới đây nêu đúng ý chính của bài?
- a- Tả cuộc sống quanh năm của gia đình Gấu ở trong rừng

b- Tả cuộc sống rất vui vẻ của gia đình Gấu ở trong rừng c- Tả cuộc sống thật no đủ của gia đình Gấu ở trong rừng **II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn**

1. Viết lại các từ ngữ vào chỗ trống sau khi đã điền đúng:

a) l hoặc n

-xinối/.....	-.....ối buồn/.....
-.....ối đi/.....	-.....ối dây/.....

b) ươt hoặc ược

-th.... kẻ/.....	-th.....tha/.....
-lần l...../.....	-cái l...../.....

2. Xếp tên các con vật vào hai nhóm thích hợp:

Voi, hổ, hươu, nai, báo, sư tử, ngựa vằn, chó sói, mèo rừng, khỉ, vượn, dê, thỏ

(1) Thú ăn cây cỏ, hoa quả (thực vật) , thường hiền lành:

.....

(2) Thú ăn thịt (động vật), thường dữ tợn:.....

.....

3. a) Viết câu trả lời cho mỗi câu hỏi:

(1) Gấu bố, gấu mẹ bước đi như thế nào?

-.....

.....

(2) Con vượn chuyền cành như thế nào?

-.....

.....

b) Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm:

(1) Khi bắt chước **rất tài**

-.....

(2) Ngựa phi **nhanh như gió**

-.....

4. Viết lại 3 điều trong nội quy phòng đọc ở thư viện của trường em (hoặc ở nơi khác)

(1).....

.....

(2).....

.....

(3).....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 24

I- bài tập về đọc hiểu

Voi trả nghĩa

Một lần, tôi gặp một voi non, bị thụt bùn dưới đầm. Tôi nhờ năm quản tượng⁽¹⁾ đến giúp sức, kéo nó lên bờ. Nó run run, hươu mãi vùi lên người tôi hít hơi. Nó chưa làm được việc, tôi cho nó mấy miếng đường rồi xua vào rừng.

Vài năm sau, tôi chặt gỗ rừng làm nhà. Một buổi sáng, tôi ngạc nhiên thấy năm, sáu cây gỗ mới đốn đã được đưa về gần nơi tôi ở. Tôi ra rình, thấy hai con voi lễ mễ khiêng gỗ đến. Tôi nhận ra chú voi non ngày trước. Còn con voi lớn, chắc là mẹ nó. Đặt gỗ xuống, voi non tung vùi hít hít. Nó rống khê rồi tiến lên, hươu vùi trên mặt tôi. Nó nhận ra hơi quen ngày trước.

Mấy đêm sau, đôi voi đã chuyển hết số gỗ của tôi về bản.

(Theo Vũ Hùng)

(1)**Quản tượng:** người trông nom và điều khiển voi Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

1. Lần đầu, tác giả gặp voi non trong tình trạng thế nào? a- Bị lạc ra ngoài rừng
b- Bị sa xuống đầm nước c- Bị thụt bùn dưới đầm
2. Tác giả nhờ ai giúp sức kéo voi non lên bờ? a- Nhờ dăm quản tượng
b- Nhờ năm quản tượng c- Nhờ năm người ở bản
3. Vài năm sau, voi non cùng mẹ giúp tác giả được việc gì? a- Chuyển số gỗ rừng đã chặt về để tác giả làm nhà
b- Lái nhiều gỗ trong rừng về giúp tác giả làm nhà

c- Khiêng năm cây gỗ mới đốn về gần nơi tác giả ở

(4). Câu chuyện ca ngợi điều gì là chủ yếu? a- Tình cảm của tác giả đối với voi non

b- Tình nghĩa sâu nặng của chú voi non c- Tình nghĩa sâu nặng của hai con voi

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các câu dưới đây sau khi điền vào chỗ trống:

a) s hoặc x

- Chú chim được ...inh ra trong chiếc tổinh xắn

.....

.....

- Buổi ...ớm mùa đông trên núi cao,..ương ...uống lạnh thấu...ương.

.....

.....

b) ut hoặc uc

Voi con dùng vòi h.... nước h.... đầu vào bụng voi mẹ đùa nghịch

.....

.....

2. Điền tên con vật thích hợp vào chỗ trống:

Nhát nhất trong rừng, Chính là con Tính tình hung dữ,

Là lão..... vằn. Vốn dĩ tinh ranh,

Là con..... Hiền lành bên suối, Là chú.....vàng. Đi đứng hiên ngang, Làto nặng.
Tính tình thẳng thắn, Là.....phi nhanh. Vừa dữ vừa lành,
Tò mò như.....

(Theo Nguyễn Mạnh)

(Tên con vật cần điền: hổ, chó sói, thỏ, nai, ngựa, voi, gấu)

3. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào chỗ chấm và chép lại đoạn văn sau:

Rừng Tây Nguyên đẹp lắmVào mùa xuân và mùa thu... trời mát dịu và thoang thoang hương rừng... Bên bờ suốinhững khóm hoa đủ màu sắc đua nở... Nhiều giống thú quý rất ưa sống trong rừng Tây Nguyên.

.....
.....
.....
.....
.....

4. Đọc truyện sau và trả lời câu hỏi: Rùa và đại bàng

Rùa nài xin đại bàng dạy cho nó biết bay. Đại bàng không dạy bởi vì rùa không thể bay được, nhưng rùa cứ nài nỉ mãi. Đại bàng bèn lấy móng quặp rùa bay lên cao rồi thả ra. Rùa rơi bộp xuống đất, mai rạn nứt chằng chịt cho đến ngày nay.

(Theo Lép Tôn-xtôi)

a) Rùa nài xin đại bàng dạy điều gì?

.....

b) Vì sao đại bàng không dạy?

.....

.....

c) Thấy rùa nài nỉ mãi, đại bàng bèn làm gì? Hậu quả ra sao?

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 25

I- Bài tập về đọc hiểu

Hùng đông mặt biển

Cảnh hùng đông mặt biển nguy nga, rực rỡ. Phía hai bên, những đám mây trắng hồng hầu như dựng đứng, hơi ngả về phía trước. Tất cả đều mời mọc lên đường.

Xa xa, mấy chiếc thuyền nữa cũng đang chạy ra khơi, cánh buồm lòng vút cong thon thả. Mảnh buồm nhỏ xíu phía sau nom như một con chim đang đỗ sau lá, cổ rướn cao sắp lên tiếng hót. Nhìn từ xa, giữa cảnh mây nước long lanh, mấy chiếc thuyền lưới làm ăn nhiều khi vắt vả nhưng trông cứ như những con thuyền du ngoạn.

Gió càng lúc càng mạnh, sóng cuộn ào ào. Biển khi nổi sóng trông càng lai láng mênh mông. Thuyền chồm lên hụp xuống như nô giỡn. Sóng đập vào vòi mũi thùm thùm, chiếc thuyền tựa hồ một tay võ sĩ can trường giơ ức ra chịu đấm, vẫn lao mình tới.

(Bùi Hiển)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

- Cảnh hùng đông mặt biển thế nào?
a- Nguy nga, rực rỡ
b- Trắng hồng, rực rỡ
c- Nguy nga, dựng đứng
- Đoạn 2 ("Xa xa... những con thuyền du ngoạn.") tả cảnh gì?
a- Những con thuyền ra khơi làm ăn thật là vất vả.
b- Những con thuyền căng buồm ra khơi du ngoạn
c- Những con thuyền căng buồm ra khơi đánh cá.
- Đoạn cuối tả chiếc thuyền vượt qua những thử thách gì trên biển?
a- Sóng cuộn ào ào

b- Sóng to, gió lớn c- Gió thổi rất mạnh

(4). Dòng nào dưới đây nêu đúng ý chính của bài văn?

- a- Cảnh hùng đông mặt biển với những cánh buồm như những cánh chim bay lượn
- b- Cảnh hùng đông mặt biển với những con thuyền vượt sóng gió ra khơi đánh cá
- c- Cảnh hùng đông mặt biển với những con thuyền chồm lên hụp xuống như nô giỡn.

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Viết lại các từ ngữ vào chỗ trống sau khi đã điền đúng:

a) tr hoặc ch

-bánh....ung/.....	-sáng....ung/.....
-quảứng/.....	-.....ứng nhận/.....

b) tiếng có thanh hỏi hoặc thanh ngã

-vấp...../.....	-nghiêng...../.....
-suy...../.....	-.....ngoi/.....

2. Tìm từ ngữ miêu tả thích hợp điền vào chỗ trống M: Nước biển xanh lơ

-Nước biển..... -Sóng biển.....

-Cát biển..... -Bờ biển.....

3. a) Dựa vào bài Hùng đông mặt biển, trả lời câu hỏi:

(1) **Vì sao** sóng biển cuộn lên ào ào?

.....
.....

(2) **Vì sao** con thuyền phải chồm lên hụp xuống?

.....
.....

b) Đặt câu hỏi cho phần in đậm trong câu sau:

Tất cả các tàu thuyền đều không ra khơi **vì biển có bão lớn.**

-.....

4. a) Viết lời đáp của em trong đoạn đối thoại sau:

- Con học bài rồi. Mẹ cho con sang nhà bạn Huy chơi có được không ạ?

- Ừ, con đi đi !

-.....

b) Quan sát bức ảnh và trả lời câu hỏi:



(1) Ảnh chụp cảnh gì?

.....

(2) Trên bờ biển có những gì (cây cối, bãi cát, dù che nắng và ghế ngồi ngắm cảnh...)?

.....

.....

(3) Mặt biển ra sao? Bầu trời trên biển thế nào?

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 26

I- Bài tập về đọc hiểu

Sự tích sông hồ ở Tây Nguyên

Ngày xưa, muông thú còn sống thành buôn làng, quanh một cái hồ lớn. Cuộc sống thật là tươi vui, đầm ấm.

Rồi một hôm, Cá Sấu mò đến, chiếm luôn cái hồ. Cảnh hồ trở nên vắng lặng. Già làng Voi tức lắm, liền bảo dân làng cùng đánh đuổi Cá Sấu.

Trong một trận đánh, già làng Voi nhử được Cá Sấu ra xa hồ nước. Cá Sấu khát quá, cố chạy trở lại lòng hồ. Nhưng đã muộn, lúc này cả làng xúm lại, vây kín mặt hồ. Muông thú các nơi cũng kéo gổ lát đường, băng qua bãi lầy, đến bên hồ trợ giúp. Cá Sấu không được uống nước để lấy thêm sức mạnh, nó bị già làng Voi đánh quỵ.

Ngày nay, khắp núi rừng Tây Nguyên đâu đâu cũng có sông hồ. Dân làng bảo: những dấu chân của già làng Voi đánh nhau với Cá Sấu tạo thành hồ. Còn những dấu vết kéo gổ ngang dọc hóa thành sông, suối.

(Theo Truyện cổ Tây Nguyên)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

1. Già làng Voi tức giận vì điều gì?

a- Cá Sấu đến phá cuộc sống của buôn làng b- Cá Sấu đến chiếm hồ nước của buôn làng c- Cá Sấu đến sống ở hồ nước của buôn làng.

2. Già làng voi làm thế nào để đánh thắng Cá Sấu? a- Nhử Cá Sấu lên bờ hồ để dân làng dễ đánh bại

b- Nhử Cá Sấu ra đến bãi lầy để dễ dàng đánh bại c- Nhử Cá Sấu ra xa hồ nước để dễ dàng đánh bại

3. Theo dân làng, sông hồ ở Tây Nguyên do đâu mà có?

a- Do dấu chân già làng Voi và dấu vết kéo gỗ tạo thành b- Do dấu chân Cá Sấu và dấu vết trận đánh tạo thành

c- Do dấu chân dân làng và chân muông thú tạo thành

(4). Dòng nào dưới đây nêu đúng và đủ ý nghĩa của câu chuyện?

a- Giải thích sự hình thành sông hồ, ca ngợi trí thông minh và quyết tâm đuổi Cá Sấu của dân làng Tây Nguyên.

b- Giải thích sự hình thành sông hồ, ca ngợi ý chí quyết tâm và lòng dũng cảm của dân làng Tây Nguyên.

c- Giải thích sự hình thành sông hồ, ca ngợi trí thông minh và tinh thần đoàn kết của dân làng Tây Nguyên.

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại từng câu sau khi điền vào chỗ trống:

a) r hoặc d

....òng sông...ộng mệnh mông, bốn mùa ...ạt....ào sóng nước.

.....
.....

b) ưt hoặc ưc

Nhóm thanh niên l.... lưỡng ra s....chèo thuyền b....lên phía trước

.....
.....

2. Nối ô từ ngữ ở cột A với nghĩa thích hợp ở cột B:

A

(1) Cá tươi
(2) Cá khô
(3) Cá ươn

B

(a) Cá đánh bắt về để đã lâu, đã nặng mùi
(b) Cá được chế biến, đóng hộp để sử dụng
(c) Cá con được sinh sản, đem thả vào ao hồ

(4) Cá hộp
(5) Cá giống

để nuôi
(d) Cá mới đánh bắt về, còn đang sống
(e) Cá tươi đem phơi khô, để được nhiều ngày

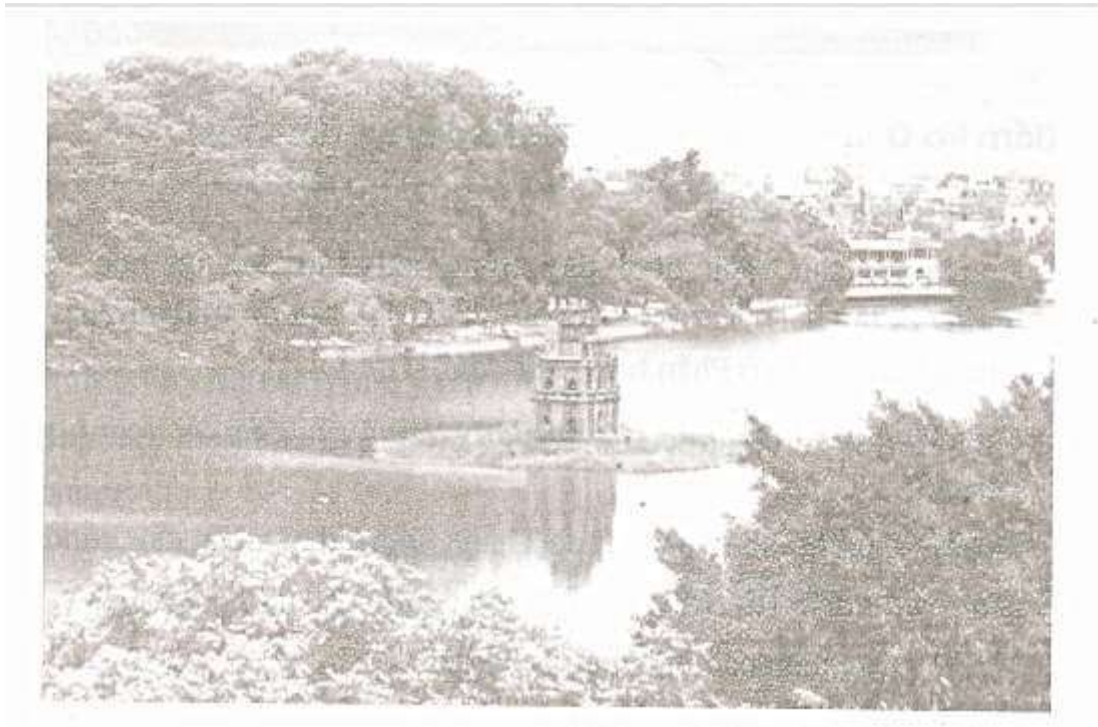
3. Đặt 2 dấu phẩy vào câu thứ nhất, 1 dấu phẩy vào câu thứ hai rồi chép lại đoạn văn sau:

Cá đi từng đàn khi thì tung tăng bơi lội khi thì lao vun vút như những con thoi. Cá nhảy cả lên thuyền lướt trên mặt sóng. Cá tràn cả lên bờ lúc mưa to, gió lớn.

.....

.....

4. Quan sát bức ảnh Hồ Gươm và trả lời câu hỏi:



a) Hồ Gươm ở đâu? Còn gọi là hồ gì?

.....

.....

b) Giữa hồ có Tháp Rùa trông thế nào?

.....

.....

c) Mặt nước hồ ra sao? Quanh hồ có những gì?

.....

.....

d) Cảnh hồ gợi cho em suy nghĩ gì?

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 27- Ôn tập giữa học kì II

A- Kiểm tra đọc

I- Đọc thành tiếng (6 điểm)

Đọc một đoạn trích dưới đây trong bài Tập đọc đã đọc (SGK Tiếng Việt 2, tập hai) và trả lời câu hỏi (TLCH); sau đó tự đánh giá, cho điểm theo hướng dẫn ở Phần hai (Giải đáp – Gợi ý)

(1) Ông Mạnh thắng Thần Gió (từ *Mấy tháng sau* đến *các loài hoa* – Đoạn 5) TLCH: Ông Mạnh đã làm gì để Thần Gió trở thành bạn của mình?

(2) Mùa xuân đến (từ *Hoa mận vừa tàn* đến *Hoa cau thoảng qua*) TLCH: Dấu hiệu nào báo mùa xuân đến?

(3) Chim sơn ca và bông cúc trắng (từ *Tội nghiệp con chim* đến *tắm nắng mặt trời* – Đoạn 4)

TLCH: Hành động của các cậu bé gây ra chuyện gì đau lòng?

(4) Cò và Cuốc (từ *Cò trả lời* đến *dập dờn như múa*)

TLCH: Câu trả lời của Cò chứa một lời khuyên. Lời khuyên ấy là gì?

(5) Voi nhà (từ *Nhưng kìa* đến *gặp được voi nhà*)

TLCH: Con voi đã giúp những người trên xe như thế nào?

II- Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)

Trăng mọc trên biển

Biển về đêm đẹp quá ! Bầu trời cao vời vời, xanh biếc, một màu xanh trong suốt. Nhưng ngôi sao vốn đã lóng lánh, nhìn trên biển lại càng lóng lánh thêm. Bỗng một vầng sáng màu lòng đỏ trứng gà to như chiếc nong đang nhô lên ở phía chân trời.

Trăng trên sông, trên đồng, trên làng quê, tôi đã thấy nhiều. Duy trăng trên biển lúc mới mọc thì đây là lần đầu tiên tôi được thấy. Đẹp quá sức tưởng tượng

! Màu lòng đỏ trứng mỗi lúc một sáng hồng lên, rất trong. Bầu trời cũng sáng xanh lên. Mặt nước lóa sáng. Cả một vùng nước sóng sánh, vàng chói lọi. Càng

lên cao, trăng càng trong và nhẹ bỗng. Biển sáng lên lấp lóa như đặc sánh, còn trời thì trong như nước. Có trăng, những tiếng động như nhòà đi, nghe không gọn tiếng, không rõ ràng như trước.

(Trần Hoài Dương)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

1. Dòng nào dưới đây nêu đúng ý chính của đoạn 1 ("Biển về đêm.... Phía chân trời.")?
a- Cảnh biển đêm với bầu trời cao xanh b- Cảnh biển đêm lấp lánh những vì sao c- Cảnh biển đêm khi trăng bắt đầu lên
2. Càng lên cao, trăng càng thay đổi thế nào? a- Càng trong và nhẹ bỗng
b- Càng vàng chói, lấp lóa c- Càng nhẹ bỗng, đặc sánh
3. Trăng mọc trên biển làm đẹp cho cảnh vật nào? a- Những ngôi sao trên biển
b- Bầu trời và mặt nước biển c- Bầu trời và sao trên biển
4. Bộ phận in đậm trong câu "Cả một vùng nước sóng sánh, vàng chói lọi." trả lời cho câu hỏi nào?
a- Khi nào? b- Vì sao?
c- Như thế nào?

B- Kiểm tra viết

I – Chính tả nghe – viết (5 điểm)

Con chim chiến chiến

Con chim chiến chiến Bay vút, vút cao Lòng đầy yêu mến Khúc hát ngọt ngào.

Chim bay chim sà Lúa tròn bụng sữa Đông quê chan chứa Những lời chim ca.

Bay cao, cao vút Chim biến mất rồi Chỉ còn tiếng hát Làm xanh da trời.

(Huy Cận)

Chú ý: HS nhờ người khác đọc từng câu để chép lại bài thơ trên giấy kẻ ô li cho đúng chính tả.

II- Tập làm văn (5 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể về một con vật mà em biết, theo gợi ý dưới đây:

- Đó là con gì (nuôi trong nhà hay ở vườn thú)? Em thấy nó ở đâu?
- Hình dáng con vật đó thế nào (có điểm gì nổi bật)?
- Hoạt động của con vật đó ra sao?
- Em nghĩ gì khi nhìn thấy con vật đó?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 28

I – Bài tập về đọc hiểu Cây chuối mẹ

Mới ngày nào nó chỉ là cây chuối non mang tàu lá nhỏ xanh lơ, dài như lưỡi mác đâm thẳng lên trời. Hôm nay, nó đã là cây chuối to, đỉnh đặc, thân bằng cột nhà. Các tàu lá ngả ra mọi phía như những cái quạt lớn, quạt mát cả góc vườn xanh thẫm. Cỏ nó mập tròn, rụt lại. Vài chiếc lá ngắn cùn cốn, lấp ló hiện ra báo cho mọi người biết: hoa chuối ngoi lên ngọn rồi đấy.

Cái hoa thập thò, hoe hoe đỏ như một mầm lửa non. Hoa ngày càng to thêm, nặng thêm, khiến cây chuối nghiêng về một phía. Khi cây mẹ bận đơm hoa kết quả thì các cây non cứ lớn nhanh hơn hớn.

Để làm buồng, cây mẹ phải đưa hoa chúc xuôi sang một phía. Lẽ nào nó để cái hoa to, buồng quả lớn đè giập đứa con đứng bên cạnh? Không, cây chuối mẹ khẽ khàng ngả hoa sang cái khoảng trống không có đứa con nào.

(Theo Phạm Đình Ân)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

1. Chi tiết nào cho thấy hoa chuối đã ngoi lên ngọn? (Đoạn 1)
 - a- Tàu lá dài như lưỡi mác đâm thẳng lên trời
 - b- Vài chiếc lá ngắn cùn cốn lấp ló hiện ra
 - c- Các tàu lá ngả ra mọi phía như những cái quạt lớn
2. Vì sao cây chuối nghiêng về một phía?
 - a- Vì cây mẹ ngày càng yếu đuối
 - b- Vì cây con lớn nhanh dưới gốc
 - c- Vì hoa chuối ngày càng to và nặng
3. Cây chuối mẹ ngả hoa sang khoảng đất trống để làm gì?
 - a- Để cái hoa to, buồng quả lớn phát triển được dễ dàng

b- Để buông quả không đè giập dừa con đứng bên cạnh c- Để buông quả không đè giập những chiếc lá xanh lơ

(4). Qua hình ảnh cây chuối mẹ, tác giả muốn ca ngợi điều gì? a- Tình mẫu tử sâu nặng

b- Tình gia đình sâu nặng

c- Tình yêu thương đồng loại

II- Bài tập về chính tả. Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Viết lại các từ ngữ sau khi đã điền đúng

a) l hoặc n

- hoaở/.....	-núi.....ở/.....
-khoaiang/.....	-nở.....ang/.....

b) ên hoặc ênh

-b.....vực/.....	-b..... cạnh/.....
-mũi t...../.....	-nhẹ t...../.....

c) ươ hoặc ua

-thu.....cuộc/.....	-th.....nhỏ/.....
-h..... vôi/.....	-l.....vàng/.....

2. a) Gạch dưới các từ ngữ trả lời cho câu hỏi để làm gì? trong mỗi câu sau:

(1) Ông em trồng cây na để con cháu có quả ăn

(2) Em trồng cây cúc vạn thọ để lấy hoa ướp trà

(b) Viết tiếp vào chỗ trống từ ngữ thích hợp trả lời cho câu hỏi để làm gì?

(1) Chúng em trồng nhiều cây xanh.....

.....

(2) Toàn trường em trồng nhiều hoa.....

.....

3. Đặt dấu chấm hoặc dấu phẩy vào chỗ chấm và chép lại đoạn văn sau:

Mùa xuân....cây gạo gọi đến bao nhiêu chim...Từ xa nhìn lại....cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồHàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi.

.....

.....

.....

.....

4.Đọc và trả lời câu hỏi

Quả sầu riêng

Sầu riêng có họ hàng xa với mít nhưng quả bé hơn. Gai quả sầu riêng vừa to vừa dài, cứng và sắc. Vỏ dày như vỏ quả mít nhưng cứng và rất dai.

Khi quả chín muồi, vỏ sầu riêng tự tách ra thành bốn hoặc năm mảnh theo chiều dọc, để lộ những múi sầu riêng béo ngậy, nằm gồi lên nhau trong các khe hở. Cơm (còn gọi là cùi) sầu riêng màu ngà hoặc màu mỡ gà bọc quanh hạt.

Cơm càng dày thì càng ngọt, béo và thơm.

(Theo Phạm Hữu Tùng)

a) Hình dáng bên ngoài quả sầu riêng

(1) Sầu riêng có họ hàng xa với quả gì?

.....

(2) Gai quả sầu riêng như thế nào? Vỏ sầu riêng có đặc điểm gì?

.....

.....

b) Ruột và mùi vị quả sầu riêng

(1) Khi quả chín muồi, vỏ tự tách ra để lộ những múi sầu riêng thế nào?

.....

.....

(2) Cơm sầu riêng có những đặc điểm gì nổi bật (về màu sắc, mùi vị)?

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 30

I- Bài tập về đọc hiểu

Về thăm nhà Bác

Về thăm nhà Bác, làng Sen

Có hàng râm bụt thấp lên lửa hồng
Có con bướm trắng lượn vòng
Có chùm ổi chín vàng ong sắc trời.
Ngôi nhà thuở Bác thiếu thời
Nghiêng nghiêng mái lợp bao đời nắng mưa
Chiếc giường tre quá đơn sơ
Võng gai ru mát những trưa nắng hè.
Làng Sen như mọi làng quê
Ngôi nhà lẫn với hàng tre bóng tròn
Kìa hàng hoa đỏ màu son
Kìa con bướm trắng chập chờn như mưa.

(Nguyễn Đức Mậu)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

1. Bài thơ tả cảnh gì?

a- Tả đường về thăm nhà Bác ở làng Sen b- Tả khu vườn gần nhà Bác ở làng Sen c- Tả cảnh vật của nhà Bác ở làng Sen

2. Tác giả dùng từ ngữ chỉ màu sắc để tả những sự vật nào ở nhà Bác? a- Hoa râm bụt, con bướm, hàng tre

b- Hoa râm bụt, con bướm, chùm ôi c- Hoa râm bụt, chùm ôi, hàng tre

3. Ngôi nhà và đồ đạc trong nhà Bác có những điểm gì nổi bật? a- Đơn sơ, mộc mạc, rất cổ kính

b- Đơn sơ, mộc mạc, ấm tình người c- Đơn sơ, giản dị, luôn mát mẻ

(4). Dòng nào dưới đây nêu đúng ý nghĩa của bài thơ? a- Phong cảnh làng Sen quê Bác đẹp đẽ, thơ mộng

b- Khu vườn nhà Bác ở làng Sen có nhiều cảnh đẹp c- Nhà Bác thuở thiếu thời thật đơn sơ, giản dị

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. a) Ghép các từ ngữ và viết lại cho đúng chính tả:

trộn	trộn
lựa/.....	vện/.....
chọn	chọn
trú	trú
ăn /.....	trọng/.....
chú	chú

b) Ghép tiếng ở cột A với tiếng thích hợp ở cột B rồi viết vào chỗ trống

A	B	
chênh	bệch	
tâng	vết	
dầu	lệch	
trắng	trệt	

2. Tìm 5 từ ngữ nói về phẩm chất của Bác Hồ kính yêu:

M : giản dị,.....

.....

3. Đặt 2 câu với hai từ ngữ tìm được ở bài tập 2

(1).....

.....

(2).....

.....

4. Đọc và trả lời câu hỏi

Ông Ké

Một buổi chiều hè ở chiến khu Việt Bắc, trời nắng to, ông Ké nhờ mấy người dân khiêng chiếc loong ra suối. Ông cọ sạch loong rồi múc nước đổ đầy vào.

Một lát sau, ông Ké dắt theo sau một đàn cháu nhỏ. Tựa tay ông múc nước tắm cho từng cháu. Cháu nào cũng thích thú cười vui vẻ.

Ông Ké đó chính là Bác Hồ muôn vàn kính yêu của chúng ta.

(Theo cuốn Bác Hồ với Việt Bắc)

Loong: đồ dùng làm bằng gỗ, giống chiếc thuyền, dùng để đập lúa ở vùng miền núi phía bắc nước ta.

a) Một chiều hè nắng to, ông Ké nhờ mấy người dân làm việc gì?

.....

.....

b) Ông Ké cọ sạch loong rồi múc nước đổ đầy vào để làm gì?

.....

.....

c) Được ông Ké tắm cho, các cháu có thái độ thế nào?

.....

.....

d) Ông Ké đó chính là ai?

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 31

I- Bài tập về đọc hiểu

Hai lần được gặp Bác

Lần đầu ra miền Bắc, Thu được gặp Bác Hồ. Bác hỏi:

- Cháu đã biết chữ chưa? Thu xúc động trả lời:
- Thưa Bác, cháu chưa biết chữ. Nhà cháu nghèo, cha cháu mất sớm nên cháu không được đi học.

Bác nhìn Thu, hai dòng nước mắt rung rung.

Lần thứ hai ra miền Bắc, Thu lại được gặp Bác. Bác hỏi:

- Đồng bào miền Nam chiến đấu như thế nào? Thu đứng lên thưa với Bác:
- Thưa Bác, đồng bào miền Nam đấu tranh rất anh hùng, không sợ gian khổ, không sợ hi sinh. Đồng bào chỉ lo sau này nước nhà thống nhất. Bác vào thăm, không được nhìn thấy Bác.

Thu ngược nhìn lên, Bác Hồ lại rung rung nước mắt.

(Theo Hồ Thị Thu)

Hồ Thị Thu: một thiếu niên miền Nam đạt nhiều thành tích trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được hai lần ra thăm miền Bắc và gặp Bác Hồ kính yêu.

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

1. Lần đầu nghe Thu nói, Bác Hồ xúc động vì điều gì? a- Vì Thu chưa biết chữ
b- Vì nhà Thu nghèo, cha mất sớm c- Vì cả hai lí do trên
2. Thu thưa với Bác nỗi lo của đồng bào miền Nam là gì?

- a- Không được nhìn thấy Bác vào thăm miền Nam
- b- Không được nhìn thấy nước nhà trong ngày vui thống nhất c- Không được nhìn thấy Bác Hồ trong ngày vui thống nhất
3. Theo em, lần thứ hai nghe Thu nói, vì sao Bác Hồ lại rung rung nước mắt ? a- Vì nghĩ đến gia đình của Thu
- b- Vì nghĩ đến đồng bào miền Nam c- Vì nghĩ đến nhân dân Việt Nam
- (4). Câu nào dưới đây của nhà thơ Tố Hữu nói đúng tình cảm của Bác Hồ được thể hiện trong câu chuyện?
- a- Có phải mỗi lần ta gặp Bác/ Bác vui như trẻ lại cùng ta?
- b- Bác mong con cháu mau khôn lớn/ Nối gót ông cha, bước kịp mình. c- Bác ơi, tìm Bác mệnh mông thế/ Ôm cả non sông, mọi kiếp người.

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Gạch dưới các chữ viết sai chính tả (r/d/gi hoặc thanh hỏi/ thanh ngã) rồi chép lại từng câu cho đúng

a) Dế Mèn tạm xa da đĩnh để dong duỗi trên đường, đi chu ru khắp thiên hạ.

.....

.....

b) Các bạn học sinh vẽ tranh, mỗi người một vẽ, hay đáo để.

.....

.....

2. Chọn từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống:

Bác Hồ sống rất.....nhưng rất có..... Sáng nào cũng vậy, cứ khoảng bốn rưỡi, năm giờ, khi sương mù còn bồng bềnh trên các ngọn cây, khe núi, Người đã dậy,.....chăn màn, rồi chạy xuống bờ suối..... và tắm rửa. Sáng sớm, Bác thường tập.....Bác chọn

những quả núi quanh vùng cao nhất để.....với đôi bàn chân không. Sau giờ tập, Bác tắm nước lạnh để luyệnvới giá rét.

(Theo cuốn Đầu nguồn)

(Từ ngữ cần điền: chịu đựng, nền nếp, tập thể dục, giản dị, dọn dẹp, leo lên, leo núi)

3. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào chỗ chấm rồi chép lại đoạn văn của Diệp Minh Châu:

Lúc ở chiến khu...Bác Hồ nuôi một con chó.....một con mèo và một con khỉ..Thông thường thì cả ba loài đó vốn chẳng ưa nhau....Không biết Bác dạy thế nào mà chúng lại quần quýt nhau....không hề trêu chọc hay cắn nhau bao giờ.

.....
.....
.....
.....

4. a) Viết lời đáp của em trong những trường hợp sau:

(1) – Hôm nay con giỏi quá, quét nhà rất sạch !

-.....

(2) – Chữ viết trong vở của bạn đẹp thế !

-.....

b) Viết một đoạn (khoảng 5 câu) về ảnh (hoặc bức tượng) Bác Hồ mà em biết

.....
.....
.....
.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 32

I- Bài tập về đọc hiểu

Nhà bác học và bà con nông dân

Hôm ấy, tiến sĩ nông học Lương Định Của cùng cán bộ xuống xem xét tình hình nông nghiệp ở tỉnh Hưng Yên.

Thấy bà con nông dân đang cấy lúa trên những thửa ruộng ven đường, bác Của bảo dừng xe, lội xuống ruộng trò chuyện với mọi người. Bác khuyên bà con nên cấy ngửa tay để rễ mạ ăn nông, cây lúa dễ phát triển. Lúc cấy cần chằng dây cho thẳng hàng để sau này dễ dùng cào cải tiến làm cỏ sục bùn....

Rồi bác cười vui và nói với mọi người:

- Nào, ai cấy nhanh nhất xin mời cấy thi với tôi xem kỹ thuật cũ và kỹ thuật mới đẳng nào thắng, nghe !

Thế là cuộc thi bắt đầu. Chỉ ít phút sau, bác đã bỏ xa cô gái cấy giỏi nhất vài mét. Lúa bác cấy vừa đều vừa thẳng hàng. Thấy vậy, ai nấy đều trầm trồ, thán phục nhà bác học nói và làm đều giỏi.

(Theo Nguyễn Hoài Giang)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

1. Bác Của khuyên bà con nông dân nên cấy lúa thế nào? a- Cấy ngửa tay để rễ mạ ăn nông, lúa dễ phát triển

b- Cấy ngửa tay để rễ mạ ăn sâu, lúa dễ phát triển c- Cấy úp tay để rễ mạ ăn nông, lúa mau phát triển

2. Bác Của khuyên bà con khi cấy cần chằng dây để làm gì?

a- Để cấy cho thẳng hàng, sau này dễ lội ruộng đi lại làm cỏ sục bùn b- Để cấy cho thẳng hàng, sau này dễ dùng cào cải tiến làm cỏ sục bùn c- Để cấy cho thẳng hàng, sau này dễ dùng máy gặt lúa ngay tại ruộng

3. Kết quả thi cấy giữa bác Của và cô gái cấy giỏi nhất ra sao?

a- Bác Của cây đều, nhanh, bỏ xa cô gái hơn chục mét b- Bác Của cây đều, thẳng hàng, bỏ xa cô gái vài mét

c- Bác Của cây nhanh, thẳng hàng, vượt lên trước cô gái.

(4). Bà con nông dân trầm trồ, thán phục bác Của về điều gì? a- Nhà bác học nói về cây lúa rất giỏi

b- Nhà bác học cây lúa nhanh và giỏi c- Nhà bác học nói và làm đều giỏi

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Viết lại các từ ngữ sau khi đã điền đúng:

a) l hoặc n

- nổi ...iêm/.....	-cái.....iêm/.....
-.....ương rẫy/.....	-.....ương thực/.....

b) v hoặc d

-.....ỗ tay/.....	-.....ỗ dành/.....
-sách.....ở/.....	-.....ở đang/.....

c) it hoặc ich

-t.....tắc/.....	-xa t...../.....
-vở k...../.....	-đen k...../.....

2. Xếp các từ sau thành từng cặp có nghĩa trái ngược nhau (từ trái nghĩa): nhỏ, tối, chìm, cuối cùng, ít, to, sáng, đầu tiên, nổi, nhiều.

M: to/ nhỏ

-...../.....
-...../.....

3. Đặt dấu chấm hoặc dấu phẩy vào chỗ chấm rồi chép lại đoạn sau:

Xóm làng tung bừng mở hội mừng xuân....Nhiều hình thức hội hè vui chơi diễn ra sôi nổi, như: đấu võ dân tộc...đua thuyền...đấu cờ tướng...thi hát xướng... ngâm thơ.

.....
.....
.....

4. a) Viết lời đáp của em trong những trường hợp sau:

(1) Em muốn bố mẹ đưa đi xem xiếc vào sáng chủ nhật. Bố mẹ bảo: “Sáng chủ nhật này bố mẹ bận một chút việc, con ạ”

Lời đáp: -.....

(2) Em nhờ bạn làm hộ bài tập toán. Bạn bảo: "Bạn phải tự làm thì mới hiểu bài chứ !"

Lời đáp : -.....

b) Trả lời câu hỏi: Số liên lạc có tác dụng gì đối với em và gia đình ?

.....
.....
.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 33

I – Bài tập về đọc hiểu

Buổi sớm mùa hè trong thung lũng

Rừng núi còn chìm đắm trong màn đêm. Trong bầu không khí đầy hơi ẩm và lạnh lạnh, mọi người đang ngon giấc trong những chiếc chăn đơn. Bỗng một con gà trống vỗ cánh phành phạch và cất tiếng gáy lanh lảnh ở đầu bản. Tiếp đó, rải rác khắp thung lũng, tiếng gà gáy râm ran. Một con gà rừng trên núi cũng thức dậy gáy te te.

Trên mấy cây cao cạnh nhà, ve đua nhau kêu ra rả. Ngoài suối, tiếng chim cuốc vọng vào đều đều. Bản làng đã thức giấc. Đó đây, ánh lửa hồng bập bùng trên các bếp. Ngoài bờ ruộng đã có bước chân người đi, tiếng nói chuyện rì rầm, tiếng gọi nhau í ới.

(Hoàng Hữu Bội)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

- Dòng nào dưới đây nêu đúng tên các con vật được tả trong bài? a- Gà trống, gà rừng, ve, chim cuốc
b- Gà trống, gà mái, ve, chim cuốc
c- Gà trống, gà mái, gà rừng, chim cuốc
- Tiếng gà gáy sớm mùa hè vùng cao được tả qua những từ nào? (Đoạn 1) a- Phành phạch, râm ran, te te
b- Lanh lảnh, râm ran, te te
c- Lanh lảnh, phành phạch, te te
- Sau tiếng gà gáy, những âm thanh nào cho thấy bản làng đã thức giấc? a- Tiếng gọi nhau í ới, tiếng chim cuốc đều đều
b- Tiếng gà gáy râm ran, tiếng nói chuyện rì rầm c- Tiếng nói chuyện rì rầm, tiếng gọi nhau í ới

(4). Cảnh sáng sớm ở vùng cao được tác giả chú trọng miêu tả điều gì? a- Những hình ảnh nổi bật

b- Những âm thanh nổi bật c- Những sự việc diễn ra

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Viết lại các câu dưới đây sau khi điền vào chỗ trống:

a) s hoặc x

(1) Phía...a...a, đàn chim.....ẻ thi nhau ...à...uống cánh đồng mới gặt

.....
.....

(2) Các cháu....ay...ư nghe bà kể chuyện ngày....ừ ngày...ư

.....
.....

b) in hoặc iên

Hàng ngh...con k.... lũ lượt tha mỗi về tổ đông ngh....nghị.

.....
.....

c) im hoặc iên

Trái t...bé dạt dào n....vui khi bày ch....về làm tổ trong vườn

.....
.....

2. Tìm các từ ngữ có tiếng thợ chỉ nghề nghiệp rồi viết vào chỗ trống M: thợ nề

(1).....	(2).....	(3).....
(4).....	(5).....	(6).....

3. Đặt câu với mỗi từ nói về truyền thống của dân tộc Việt Nam a) cần

cù:.....

b) dũng cảm:..... c) đoàn

kết:.....

4. a) Viết lời đáp của em trước những lời an ủi sau:

(1)- Con đừng buồn. Mẹ sẽ mua cây hoa khác trồng vào chỗ cây hoa đã chết !

-..... (2)- Em lỡ tay nên làm vỡ bát, bố mẹ sẽ không mắng đâu !

-.....

b) Viết đoạn văn ngắn (3 - 4 câu) kể một việc tốt đã làm để giúp người thân trong gia đình hoặc một người bạn của em.

Gợi ý: a) Đó là việc gì? Diễn ra vào lúc nào? Ở đâu?

b) Em đã làm việc tốt ấy ra sao? Kết quả thế nào?

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 34

I- Bài tập về đọc hiểu

Đánh cá đèn

Chiều hôm ấy, bãi biển tấp nập hẳn lên. Ai cũng muốn xem các đội thuyền ra khơi đánh cá đèn. Lũ trẻ cũng theo ra bãi.

Các thuyền nổ máy ran ran rồi vọt ra khơi, trườn nhanh qua vùng sóng lừng. Nắng chiều tỏa ánh vàng hoe. Màu cầu vồng hiện lên trên bụi nước đầu sóng. Mặt trời lặn. Màn đêm buông xuống. Đèn điện trên các thuyền bật sáng rực rỡ. Vài tiếng đồng hồ sau, thấy ánh đèn, cá kéo về đen đặc. Những con mồi, con nục nổi lên, cuốn vào nhau lúc nhúc. Dưới ánh điện, mắt chúng sáng rực cả một vùng như trận mưa tàn lửa... Mỗi thuyền chỉ đánh bốn mẻ lưới mà chờ không hết cá, phải đùn vào lưới thả xuống nước kéo về. Thuyền nào cũng no, lắc lè trên sóng.

(Bùi Nguyên Khiết)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

1. Các đội thuyền bắt đầu ra khơi đánh cá đèn vào lúc nào?
a- Lúc nắng chiều tỏa ánh vàng hoe
b- Lúc mặt trời vừa mới bứt đầu lặn c- Lúc màn đêm vừa buông xuống
2. Dòng nào dưới đây nêu đúng những từ ngữ tả cá biển về rất nhiều khi đèn điện bật sáng trên các thuyền? (Đoạn 2)
a- Kéo về đen đặc; thuyền chờ không hết cá b- Cuốn vào nhau lúc nhúc; lắc lè trên sóng c- Kéo về đen đặc; cuốn vào nhau lúc nhúc
3. Khi thuyền chờ không hết cá, mọi người trên thuyền đã làm gì?
a- Đùn cá vào lưới thả trên biển để nuôi
b- Đùn cá vào lưới thả xuống nước kéo về

c- Đùn cá vào lưới đưa sang thuyền khác

(4). Dòng nào gọi tả con thuyền chở nhiều cá? a- Nổ máy ran ran

b- Trườn qua sóng lưng c- Lắc lè trên sóng

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Viết lại các từ ngữ sau khi đã điền đúng

a) tr hoặc ch

-leo ...èo/.....	-hátèo/.....
-.....ông đỡ/.....	-.....ông trải/.....

b) ong hoặc ông

tr.....nom/.....

tr.....sáng/.....

c) rả hoặc rã

tan...../.....

kêu ra...../.....

2. Gạch dưới từ trái nghĩa với từ in đậm trong mỗi câu tục ngữ sau:

(1) **Trên** kính dưới nhường

(2) **Hẹp** nhà rộng bụng

(3) Việc **nhỏ** nghĩa lớn

(4) Áo **rách** khéo vá hơn lành vụng may

(5) Áo rách khéo vá hơn lành **vụng** may

3. Đặt câu với mỗi từ chỉ nghề nghiệp:

a) nông dân:.....

b) công

nhân:.....

c)

bác

sĩ:.....

4. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể về công việc của một người mà em biết.

Gợi ý:

- a) Người đó là ai, làm nghề gì?
- b) Hằng ngày, người đó làm những việc gì?
- c) Những việc ấy đem lại lợi ích ra sao?

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 2

Tuần 35 – Ôn tập cuối học kì II

A- Kiểm tra đọc

I- Đọc thành tiếng (6 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây trong bài tập đọc đã học (SGK Tiếng Việt 2, tập hai) và trả lời câu hỏi (TLCH); sau đó đánh giá, cho điểm theo hướng dẫn ở phần hai (giải đáp – gợi ý)

(1) Những quả đào (từ *Sau một chuyến đi xa đến có ngon không?*- Đoạn 1) TLCH: Người ông dành những quả đào cho ai?

(2) Cây đa quê hương (từ *Cây đa nghìn năm đến chót vót giữ trời xanh*) TLCH: Thân cây đa được miêu tả như thế nào?

(3) Chiếc rế đa tròn (từ *Nhiều năm sau đến hình tròn như thế* - Đoạn 3)

TLCH: Các bạn nhỏ thích chơi trò gì bên cây đa?

(4) Cây và hoa bên lăng Bác (từ *Sau lăng đến tỏa hương ngào ngạt*) TLCH: Sau lăng có những loài hoa nào ở Sơn La và ở Nam Bộ?

(5) Bóp nát quả cam (từ *Quốc Toản tạ ơn Vua đến hai bàn tay bóp chặt* – Đoạn 4)

TLCH: Vì sao Quốc Toản vô tình bóp nát quả cam?

II- Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)

Tình thương của Bác

Đêm giao thừa năm ấy, Bác Hồ đến thăm một gia đình lao động nghèo ở Hà Nội. Anh cán bộ đến trước nói với chị Chín:

- Chị ở nhà, có khách đến thăm Tết đây !

Lát sau, Bác bước vào nhà. Chị Chín sững sốt nhìn Bác. Mấy cháu nhỏ kêu lên "Bác Hồ, Bác Hồ !", rồi chạy lại quanh Bác.

Lúc này chị Chín mới chợt tỉnh, vội chạy lại ôm choàng lấy Bác, khóc nức nở.

Chờ cho chị bớt xúc động, Người an ủi:

- Năm mới sắp đến, Bác đến thăm nhà, sao thím lại khóc?

Tuy cố nén nhưng chị Chín vẫn thổn thức, nói:

- Có bao giờ..có bao giờ Chủ tịch nước lại tới thăm nhà chúng con. Được thấy Bác đến nhà, con cảm động quá!

Bác trìu mến nhìn chị Chín và các cháu rồi nói:

- Bác không thăm những người như mẹ con thím thì còn thăm ai?

(Theo Phạm Thị Sửu – Lê Minh Hà)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

1. Lúc Bác mới bước vào nhà, thái độ của chị Chín thế nào? a- Sững sốt

b- Chột tỉnh c- Xúc động

2. Vì sao khi được gặp Bác, chị Chín lại khóc nức nở? a- Vì chị thấy nhà mình còn nghèo khổ quá

b- Vì chị quá xúc động khi Bác đến thăm nhà c- Vì chị thấy Bác Hồ thương mẹ con chị quá

3. Câu "Bác không thăm những người như mẹ con thím thì còn thăm ai?" ý nói gì?

a- Bác luôn quan tâm đến những người phụ nữ nghèo b- Bác luôn quan tâm đến các cháu thiếu nhi nghèo

c- Bác luôn quan tâm đến những gia đình lao động nghèo

4. Bộ phận in đậm trong câu "Chị Chín khóc nức nở vì xúc động." trả lời cho câu hỏi nào?

a- Như thế nào?

b- Vì sao?

c- Để làm gì?

B- Kiểm tra viết

I- Chính tả nghe- viết (5 điểm)

Cháu thăm nhà Bác

Cháu vào thăm nhà Bác Trời vui nên nắng tràn Vườn vui hoa nở khắp Ngan ngát mùi phong lan.

Ngôi nhà sàn xinh xinh Dưới bóng cây vú sữa Không gian đầy tiếng chim Mặt hồ xôn xao gió.

Gió động cửa nhà sàn Ngõ Bác ra đón cháu...
(Vân Long)

Chú ý: HS nhờ người khác đọc từng câu để chép lại bài thơ trên giấy kẻ ô li cho đúng chính tả.

II- Tập làm văn (5 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể một việc tốt của em (hoặc bạn em) đã làm ở trường hoặc nơi ở, theo gợi ý dưới đây:

a) Việc tốt của em (hoặc bạn em) là việc gì? Việc đó diễn ra lúc nào?

b) Em (hoặc bạn em) đã làm việc tốt ấy ra sao? (Kể rõ hành động, việc làm cụ thể để làm rõ việc tốt)

c) Kết quả (hoặc ý nghĩa) của việc tốt đó là gì?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN TUẦN 1

I. 1.c 2.b 3.d (4).a II.

1. a) con cò, đàn kiến, con cua, thước kẻ

b) ăn no, lo lắng, gánh nặng, im lặng

c) làng xóm, làn gió, quạt nan, nở nang.

2.

Chỉ người	em, bố, mẹ
Chỉ vật	lịch, sân, đầu, hoa, vườn, nụ, hạt
Chỉ hoạt động, đặc điểm	cười, tỏa, gặt hái, vàng
...	

3. VD:

(1) Mẹ đưa em đi học.

(2) Hoa trong vườn đã nở (3) Bé Hằng cười rất tươi.

4. VD: Tổ em có bạn Trần Thị Kim Chi.

Bạn *Chi* quê ở *Bắc Giang*, học cùng em ở lớp 2B, Trường Tiểu học *Kim Đồng*.

Bạn *Chi* thích học môn *Tiếng Việt*, thích làm các việc: *quét nhà, lau bàn ghế, giúp mẹ nấu cơm*.

Đáp án tuần 2

I – 1.a 2.c 3.b (4).b

II – 1. Gạch dưới rồi chữa lại: a) gé / ghé; ghóc / góc

b) xấp / sắp; xách / sách; sách / xách (đến trường) c) lăn / lạng; lặng / lặn.

2. VD:

(1) *Minh học chăm, lao động giỏi.* (2) *Minh lao động giỏi, học chăm.*

(3) *Minh chăm học, lao động giỏi. (hoặc: Minh học giỏi, chăm lao động ...)*

3. – Năm nay em bao nhiêu tuổi?

– Em có thích đi học không?

- Cô giáo dạy lớp 2 của em tên gì?

4. a) VD (lời chào hỏi thích hợp):

Mai: Chào Minh.

Minh: Chào Mai nhé !

b) VD: Tôi tên là *Vũ Thị Bích Thủy*

Hiện nay, tôi là học sinh lớp 2A Trường Tiểu học *Vũ Thư*, huyện *Vũ Thư*, tỉnh *Thái Bình*.

Sở thích của tôi là *chơi nhảy dây và trồng cây cảnh*. Tôi rất muốn được làm quen với các bạn.

Đáp án tuần 3

I – 1.b

2.c

3.b

(4).a II -1.

a) nghe ngác / ngơ ngác; ngỗ nghược / ngỗ ngược; ngiêm nghị / nghiêm nghị nge ngóng / nghe ngóng; nghị ngờ / nghị ngơ; ngô ngê/ ngô nghệ. ____

b) con **tr**âu – **ch**âu báu; lá **tr**e – **ch**e chở. dẫu **ng**ã – nghiêng **ng**ả; **ng**ả mũ – **ng**ã ngựa. 2.

Chỉ người	Chỉ đồ vật	Chỉ con vật	Chỉ cây cối
-----------	------------	-------------	-------------

Trẻ em	Xe ngựa	Sư tử	Tre ngà
Học sinh	Sách vở	Gà trống	Lúa xuân

3. VD: Mẹ của em là **giáo viên**.

Lan Duyên là người bạn thân nhất của em.

4. a) Ghi số thứ tự vào các ô trống (từ trên xuống): **3 - 2 - 1 - 5 - 4**

b) Hai con dê

Dê đen và dê trắng cùng qua một chiếc cầu hẹp. Dê đen đi đằng này lại. Dê trắng đi đằng kia sang. Con nào cũng muốn tranh sang trước, không con nào chịu nhường con nào. Chúng húc nhau, cả hai đều rơi tòm xuống suối.

Đáp án tuần 4

I- 1.b

2.c

3.a

(4).b II – 1.

a) **liên** hoan – **yên** vui; **yên** lặng – **viên** phần

b) **dành** đồ chơi cho bé – **giành** phần thắng – đọc **rất** rõ ràng

c) **vàng** trắng – **vân** thơ; nước **dâng** lên – **dân** làng

2. Gợi ý:

(1) **B**- Hôm nay là thứ năm.

(2) **A**- Ngày mai là thứ mấy? (3) **B**- Một tuần có 7 ngày.

(4) **A**- Một năm có bao nhiêu tháng?

3. Long bị ốm không đi học được. Bạn bè trong lớp đến thăm Long và chép bài giúp bạn. Ai cũng mong Long mau khỏe để đến lớp học.

4. VD:

Hôm ấy trời nắng to. Em vừa đến lớp thì bị nhức đầu nên cứ gục mặt xuống bàn. Bạn Hòa thấy thế liền chạy đi xin mấy viên thuốc và lấy nước cho em

uống. Em cảm động nói: "Cảm ơn bạn đã giúp mình ! Uống thuốc xong chắc mình sẽ khỏi thôi."

(Hoặc: Hôm ấy, mẹ đã dặn tôi rửa bộ ấm chén cho thật sạch kéo lát nữa có khách đến chơi. Mãi đá bóng, tôi quên bém việc mẹ dặn. Lúc khách đến chơi nhà, thấy bộ ấm chén chưa rửa, mẹ tôi buồn lắm. Khi khách đã về, tôi đứng khoanh tay trước mặt mẹ và ấp úng: "Con, con.... Xin lỗi mẹ ạ ! Lần sau con sẽ nhớ làm đúng lời mẹ dặn.")

Đáp án tuần 5

I- 1.c

2.b

3.b

(4).a II- 1.

a) thức khuya – tính chia; tia nắng – ý nghĩa

b) hoa nở - nở đất; đi lên – làm nên

c) cái xẻng – dè sẻn; thổi kèn – đánh keng 2.

(1)Lê Văn Thịnh , Võ Thị Thu, Nguyễn Bá Khánh Hà, Trần Vũ Thị Thu Thủy

(2) Trường Sơn – Cửu Long – Hải Phòng – Hoàn Kiếm 3.

Ai (hoặc cái gì, con gì)	là gì?
Em	là học sinh lớp 2A
Môn em yêu thích	là môn Âm nhạc
Ước mơ của em	là đi du lịch nhiều nơi trên đất nước ta

4. a) (1) Đức nhặt được chiếc bút trước cửa lớp học.

(2) Thấy Hà đi tới, Đức hỏi: "Có phải bút của bạn đánh rơi không?" Hà trả lời: "Không phải bút của tớ, chắc của bạn nào đánh rơi..."

(3) Đức đến gặp cô giáo trao lại chiếc bút, nhờ cô trả lại người đánh rơi.

(4) Cô giáo khen Đức trước lớp: "Cô khen bạn Đức vì đã làm được một việc tốt ..."

b) VD (tên câu truyện): Một việc tốt (hoặc: Việc nhỏ nghĩa lớn, Người học sinh thật thà, Chiếc bút rơi...)

Đáp án tuần 6

I- 1.c

2.a

3.b

(4).c II- 1.

a) xỏ số - sổ tay; say sưa – xay bột

b) máy bơm – mái nhà; ngày mai – may áo

c) sạch sẽ - san sẻ; chia sẻ - sẽ làm

2. VD:

Chỉ người	Chỉ đồ vật
Cô giáo, thầy giáo, học sinh, bạn bè	Bàn, ghế, bảng, phấn

3. (1) Ai là học sinh xuất sắc nhất của lớp 2A?

(2) Học sinh xuất sắc nhất của lớp 2A là ai (hoặc: là bạn nào)?

4. a) Nhà văn có 4 truyện ngắn được in trong tuyển tập là **Hà Ân**.

b) Truyện ngắn *Đôi guốc bỏ quên* của nhà văn **Văn Biễn** in ở trang 39.

c) Truyện ngắn *Trước lăng mộ vua Quang Trung* của nhà văn **An Cương** in ở trang 66.

d) Nhà văn Lý Biên Cương có truyện ngắn **Nàng tiên đảo Ngọc** in ở trang 75.

e) Truyện ngắn của nhà văn Trần Hoài Dương ở trang 86 có tên là **Em bé và bông hồng**. Đây là truyện thứ **10** trong tuyển tập.

Đáp án tuần 7

I – 1.b

2.b

3.c

(4).a II- 1.

a) Máy đưa **trẻ** trong xóm tôi **trèo** cả lên cây để xem diễn **chèo**.

b) – nguy hiểm - **mũi** thuyền; **chui** vào – **truy** bài

-cái **chiêng** – **chiên** cá; ăn **kiêng** – **kiên** trì

2.

a) Cô giáo của em đang **giảng** bài trên lớp.

b) Bạn Ngọc Anh **đọc** truyện rất say sưa.

c) Bác bảo vệ **đánh** trống tan trường.

d) Chị Phương Nga **hát** song ca cùng chị Phương Linh.

3. – Chị phụ trách Sao Nhi đồng **dạy** chúng em hát bài Chiếc đèn ông sao.

- Gà trống gáy "ò ó o" báo cho mọi người **dậy** sớm để chuẩn bị ra đồng.

4.a)(1) Hoa đến lớp sớm thấy bạn Hùng đang quét lớp, liền nói: "Mình giúp bạn trực nhật nhé !"

(2) Hoa vào lớp lấy giẻ lau bảng để giúp Hùng trực nhật.

(3) Cô giáo bước vào lớp với thái độ rất vui. Cô khen ngợi: "Hôm nay em nào trực nhật lau bảng sạch quá !"

(4) Hùng vội đứng dậy nói với cô giáo: "Thưa cô, em quét lớp còn bạn Hoa giúp em lau bảng đấy ạ !"

b) VD: Giúp bạn trực nhật (hoặc: Tình bạn, Lời khen của cô giáo)

Đáp án tuần 8

I – 1.b

2.c

3.b

4.c II- 1.

a) đi **sau** – ngôi **sao**; quả **cau** – lên **cao**

chuồng lợn – con chuồn chuồn; buồng chuối – buồn ngủ b)

Em yêu **dòng** kênh nhỏ
Chảy **giữa** hai **rặng** cây

Bên **rì rào** sóng lúa
Gương nước in trời mây

2. Hằng ngày, đôi bàn tay của mẹ phải làm biết bao nhiêu là việc. Đi làm về, mẹ lại **đi** chợ, **đong** gạo, **gánh** nước, **nấu** cơm, **tắm** cho hai chị em Bình, **giặt** một chậu quần áo đầy.

3. (1) Hoàng Minh rất thích chơi bóng bàn, bóng đá.

(2) Diệu Hương luôn đi học đều, học bài và làm bài đầy đủ.

(3) Thu Hà học giỏi, hát hay nên được thầy cô và bạn bè quý mến.

4. a)

(1) Mời bạn đến dự sinh nhật mình vào 8 giờ tối thứ bảy tuần này nhé !

(2) Nhờ Ngọc Anh nhích sang một bên cho mình nhìn bài trên bảng với ! (3) Các bạn ơi, đừng nói to quá làm ảnh hưởng đến các nhóm khác !

b)

(1) Loan là người bạn thân nhất của em trong lớp.

(2) Loan học giỏi, luôn giúp đỡ mọi người nên ai cũng quý.

(3) Loan hay đến nhà em học nhóm, giúp em làm toán ngày càng tiến bộ. (4) Em rất thích đi học với Loan để trò chuyện cùng bạn ấy.

Đáp án tuần 9

A- Đọc (10 điểm)

I – Đọc thành tiếng (6 điểm)

Đọc từng đoạn trích (khoảng 35 chữ) và TLCH , sau đó tự đánh giá theo biểu điểm dưới đây:

- Đọc đúng tiếng, đúng từ: 3 điểm

(Đọc sai dưới 3 tiếng: 2,5 điểm; đọc sai từ 3 đến 5 tiếng: 2 điểm; đọc sai từ 6 đến 10 tiếng: 1,5 điểm; đọc sai từ 11 đến 15 tiếng: 1 điểm; đọc sai từ 16 đến 20 tiếng: 0,5 điểm; đọc sai trên 20 tiếng: 0 điểm)

- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu(có thể mắc lỗi về ngắt nghỉ hơi ở 1 hoặc 2 dấu câu): 1 điểm

(Không ngắt nghỉ hơi đúng ở 3 đến 4 dấu câu: 0,5 điểm; không ngắt nghỉ hơi đúng ở 5 câu trở lên: 0 điểm)

- Tốc độ đọc đoạn trích đạt yêu cầu không quá 1 phút: 1 điểm

(Đọc quá 1 phút đến 2 phút: 0,5 điểm; đọc quá 2 phút, phải đánh vần nhẩm: 0 điểm)

- Trả lời đúng ý câu hỏi: 1 điểm VD:

(1) Kể những việc làm tốt của bé Na. (Na gọt bút chì giúp bạn, cho bạn nửa cục tẩy, nhiều lần làm trực nhật giúp các bạn bị mệt.)

(2) Bé làm những việc gì? (Bé làm bài, đi học, quét nhà, nhặt rau, chơi với em đỡ mẹ.)

(3) Khi thấy lão Hồ hung dữ, bạn của Nai Nhỏ đã làm gì? (Khi thấy lão Hồ hung dữ, bạn của Nai Nhỏ đã nhanh trí kéo Nai Nhỏ chạy như bay.)

(4) Tan học, Tuấn đến gặp Hà để làm gì? (Tan học, Tuấn đến gặp Hà để xin lỗi vì đã kéo bím tóc của Hà)

(5) Bố Dũng đến trường làm gì? (Bố Dũng đến trường để chào thầy giáo cũ)

(* Trả lời chưa đủ ý hoặc hiểu câu hỏi nhưng diễn đạt còn lúng túng, chưa rõ ràng: 0,5 điểm; không trả lời được hoặc trả lời sai ý: 0 điểm)

II- Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)

1.c

2.a

3.c

4.b

(đúng mỗi câu được 1 điểm)

B – Viết (10 điểm)

I – Chính tả nghe – viết (5 điểm)

HS nhờ người khác đọc để nghe – viết bài chính tả trong khoảng 15 phút, sau đó tự đánh giá theo biểu điểm dưới đây:

Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng đoạn thơ: 5 điểm. Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai, lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh ; không viết hoa đúng quy định): 0,5 điểm

* Lưu ý: Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bẩn,... Bị trừ 1 điểm toàn bài.

II- Tập làm văn (5 điểm)

Viết được đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể về lớp học và việc học tập của em (thời gian làm bài khoảng 25 phút) theo các câu hỏi gợi ý; nội dung đúng yêu cầu đề bài, trình bày sạch sẽ, diễn đạt rõ ý: 5 điểm

VD: Em học lớp 2B. Lớp em có 35 bạn học sinh. Cô Hòa là giáo viên chủ nhiệm của lớp em. Hằng ngày đến lớp, em được cô dạy Tiếng Việt, Toán và các môn học khác. Ngoài việc học tập, em còn được tham gia vui chơi cùng các bạn. Em rất yêu quý cô giáo và các bạn trong lớp học của em.

Đáp án tuần 10

I- 1.c

2.b

3.c

(4).b II- 1.

a) **con kiến – cây cỏ; cái kèn – dòng kênh**

b) **nặng nề - lặng lẽ; số lẻ - nứt nẻ**

c) **ngõ nhỏ - bỏ ngõ; ngõ xóm – ngõ cửa**

2. Gia đình Dung sống cùng với ông nội, bà nội. Cứ vào ngày mùng một Tết hằng năm, họ họ hàng bên nội, bên ngoại lại đến nhà Dung rất đông. Này nhé, buổi sáng thì có ông ngoại, bà ngoại, các bác, các chú cùng các cô, các thím, các

dì. Buổi chiều có cậu, mợ và cả các cháu của ba má đến chơi. Dung được vui vầy cùng các anh, chị và các em, lại được họ hàng mừng tuổi, vui ơi là vui!

- Họ nội: ông nội, bà nội, cô, thím, bác, chú, cháu, anh, chị, em.

- Họ ngoại: ông ngoại, bà ngoại, dì, cậu, mợ, bác, chú, cháu, anh, chị, em.

* Chú ý: Các từ bác, chú, cháu, anh, chị, em ghi ở cả 2 dòng (họ nội, họ ngoại) đều phù hợp.

3. **Ba má**

Giờ Học vần, phần từ ngữ ứng dụng có từ *ba má*. Học sinh đọc xong, cô giáo hỏi về nghĩa từ:

- Các con hiểu từ *ba má* nghĩa là gì?

Tũn nhanh nhẩu xung phong trả lời:

- Thừa cô, *ba má* là hai má của cô và một má của con nữa ạ.

4. VD:

(1) Ông ngoại của em năm nay sáu mươi hai tuổi. Ông là chủ một trang trại trồng trọt và chăn nuôi gia súc lớn nhất trong huyện. Năm ngoái, ông được bình bầu danh hiệu nông dân xuất sắc của huyện và được cử đi Đại hội nông dân tiêu biểu toàn tỉnh. Ông ngoại rất yêu quý em. Ông thường cho em đi thăm trang trại và kể cho em nghe nhiều chuyện hay về các con vật và cây cối rất gần gũi đối với ông.

(2) Mẹ em năm nay ba mươi hai tuổi. Mẹ làm công nhân ở Nhà máy dệt 8-3. Buổi sáng, mẹ đưa em đến trường rồi mới đi làm. Buổi chiều, mẹ lại đón em về. Mẹ luôn chăm sóc, dạy bảo em từng li từng tí để em trở thành con ngoan, trò giỏi.

(3) Bé Thúy Quỳnh của em năm nay đã năm mươi tuổi. Quỳnh đang học lớp mẫu giáo lớn. Sáng nào hai chị em cũng được bố đưa đi học rồi buổi chiều lại đón về nhà. Dọc đường đi học, bao giờ Quỳnh cũng ríu rít nói chuyện với em. Trước khi được bố dẫn vào lớp, bao giờ bé cũng đòi thơm em một cái vào má rồi mới bước đi.

Đáp án tuần 11

I- 1.a

2.b

3.c

(4).b II-1

a) Chú Thịnh cưa **gỗ** để đóng **ghế**

- Cô Hồng **ghi** vào sổ góp ý bệnh viện

b) – **xả** rác- củ **sả**; sản **xuất** – năng **suất**

c) – giọt **sương**- **sườn** núi; mái **trường** – **trườn** sát đất

2. a)

Quây quần trong bếp **Nồi** để nấu cơm Thái thịt, chặt xương Đặt trên cái **thớt Cốc** để uống nước **Ấm** để pha trà

Mỗi người trong nhà Ăn cơm bằng **bát** Thức ăn cần xúc Thì đã có **thìa**

Quả dưa quả lê Dùng **dao** gọt vỏ.

3. (1) ăn (hoặc: xối, vò, xúc..) cơm (2) uống (xơi, tu...) nước

(3) luộc (nhặt, thái, xào...) rau (4) thái (xay, lọc, ướp...) thịt

(5) rán (kho, chiên, nướng..) cá (6) luộc (trắng, bác...) trứng

4. a) VD (lời an ủi)

(1) Bà đừng buồn. Bố mẹ cháu sẽ trồng lại vườn cây để năm sau bà lại có vườn cây xanh tốt, bà ạ.

(2) Ông cứ yên tâm, hết đợt dịch cúm gia cầm, bố mẹ cháu lại mua đàn vịt khác để ông nuôi. Nhất định đàn vịt sau sẽ chosnh lớn ông ạ !

b) VD (thư ngắn)

Đà Nẵng, ngày 25-7-2009

Ông bà kính mến !

Hôm nay, bố mẹ cháy về quê, cháu viết mấy dòng này thăm ông bà. Đạo này ông bà có khỏe không? Đợt lũ vừa qua nhà cửa, cây cối ở quê mình có thiệt hại nhiều không ạ? Bố mẹ cháu sắp xếp công việc để về quê giúp ông bà khắc phục hậu quả của trận lũ.

Cháu mong mai một về thăm ông bà lại được ngắm nhìn vườn cây trái sum sê. Cháu xin chúc ông bà luôn luôn mạnh khỏe.

Cháu của ông bà

Tuấn Bình

Đáp án tuần 12

I- 1.b

2.c

3.b

(4).c II-1.

a) **ngủ** nơi – **nghe** **ngóng**; **ngỡ** **ngàng** – **ngô** **nghe**

b) **chải** đầu – **trải** rộng; **trạm** gác – **chạm** tay

c) **bát** **ngát** – **ngơ** **ngác**; **khát** nước – **khác** nhau

2. Nối ô chữ và viết đúng các từ: chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ, bảo ban, vỗ về, khuyên bảo.

3.

(1) Mẹ mua cho Tuấn đầy đủ sách vở, quần áo để đến trường. (2) Con cái phải ngoan ngoãn, chăm chỉ và nghe lời cha mẹ.

4. a) VD (lời trao đổi)

....

-Cháu chào cô. Cháu là Hằng, bạn của Nga. Cô làm ơn cho cháu gặp Nga ạ !

.....

-Dạ, cháu cảm ơn cô.

b) VD (lời trao đổi)

....

-Tớ đi được. Nhưng, phải chuẩn bị xong bài, 4 giờ chiều đi có được không?

.....

- Đồng ý. Tớ sẽ đến đúng giờ đây !

Đáp án tuần 13

I- 1.b

2.c

3.a

(4).b II- 1.

a) **điểm** tốt – **yên** tâm; **chuyên** cần – **tiến** bộ

b) (1) – **Rễ** cây hút chất màu trong đất để nuôi cây.

-Cây rất **đễ** mọc và lớn lên ở quả đồi này. (2)- Bố em ngồi **nghi** dưới bóng cây đa.

- Em đã **nghĩ** ra cách giải bài toán khó.

2.

Ai	làm gì?
(1)Em	nhặt rau giúp mẹ
(2) Bé Thu	chạy lon ton trong nhà
(3) Hai chị em	mở cửa đón mẹ về

3. (1)- (c); (2) – (d); (3) – (b); (4) – (a)

4.

(1) Cả nhà em thường quây quần vui vẻ sau bữa cơm tối. Lúc đó, em giúp mẹ rửa bát. Bố ngồi chơi với bé Thu Huyền. Ông bà em ngồi uống nước và xem tivi. Nhìn cảnh sum họp đầm ấm của gia đình, em rất vui và càng thêm yêu mến những người thân.

(2) Những đêm trăng sáng, gia đình em thường quây quần đông đủ ngoài sân. Bố em ngồi gảy đàn ghi ta cho cả nhà nghe. Mẹ và hai chị em ngồi hát và vỗ tay hòa theo. Tiếng hát, tiếng cười rộn ràng trong đêm trăng. Cảnh sum họp đầm ấm của gia đình gợi lên trong lòng em một niềm vui khó tả.

Đáp án tuần 14

I- 1.c

2.a

3.b

(4).b II- 1.

a) niềm vui – bú¹ li²em; tia n³ắ⁴ng – l⁵ắ⁶ng nghe

b) quả m¹ít – m²ải m³i⁴ết; quay t⁵út – t⁶i⁷ết học

c) màu s¹ắ²c – s³ắ⁴t thép; b⁵ắ⁶c cầu – b⁷ắ⁸t tay

2. Gạch dưới các từ ngữ dễ dàng, nâng dịu dàng, chia em phần hơn, nhường em luôn, yêu em bé.

3. Điền dấu câu:

Mèo rửa mặt

Một con mèo chộp được một chú s¹ẻ, đ²ịnh ăn th³ịt. S⁴ẻ lễ phép nói:

- Thưa anh, tại sao một người sạch sẽ như anh trước khi ăn sáng lại không rửa mặt?

Mèo đặt s¹ẻ xuống, đưa hai chân lên vuốt r²ia, xoa mép. S³ẻ v⁴ụt bay m⁵ất. Mèo tức l⁶ắ⁷m nhưng ch⁸ẳ⁹ng làm gì đ¹⁰ược.

4. a) Tranh vẽ bạn trai đang đưa v¹õng cho em g²ái ng³ủ.

b) Bé g¹ái nằm ng²ủ trên v³õng trông thật dễ th⁴ương. M⁵ái tóc của bé bay ph⁶át ph⁷ơ theo g⁸ió nh⁹ẹ.

c) Cảnh trong tranh cho thấy tình cảm anh em dạt dào tình yêu thương.

Đáp án tuần 15

I-1.b

2.a

3.c

(4).a II-1.

a) (1) Bé **say sưa** đứng ngắm hoa **súng** nở **xen** lẫn với hoa **sen** trong hồ.

(2) Con chim **sẻ** đậu trên xà nhà bỗng **sà xuống sát** đất rồi bay vụt qua cửa sổ

b) gà **mái** – xe **máy**; bàn **chải** – nước **chảy**

2. a) Bạn Dung học tập rất *chăm chỉ*

b) Nhờ chăm sóc chu đáo, vườn rau nhà em lúc nào cũng *xanh mướt*.

c) Con mèo có đôi mắt *tròn xoe*.

3.

Ai (cái gì, con gì)	Thế nào?
Đôi mắt của bà nội	long lanh những tia sáng dịu hiền.
Giọng nói của mẹ	dịu dàng và ấm áp.
Dang người của bố	vạm vỡ, chắc nịch, dong dỏng cao.

4. Chị Thảo của em năm nay mười hai tuổi. Chị học lớp 6, Trường Trung học cơ sở Phan Châu Trinh. Chị Thảo học giỏi và múa hát cũng rất hay. Năm ngoái, chị đoạt giải Nhì cuộc thi hát của thiếu niên, nhi đồng toàn thành phố. Em rất yêu quý và tự hào về chị Thảo của em.

Đáp án tuần 16

I- 1.a

2.c

3.a

(4).b II-1.

a) bánh **chung** – sáng **trung**; **trung** thành – **chung** sức

b) yêu **quý** – **cúi** đầu; tàu **thủy** - đèn **thủi**

c) số **sáu** – con **sáo**; **mào** gà – **màu** xanh

2. VD (điền từ trái nghĩa)

- (1) lười / chăm(hoặc chăm chỉ...)
- (2) yếu/ khỏe (hoặc khỏe mạnh...)
- (3) hiền / ác (hoặc dữ, ác độc...)
- (4) cao/ thấp (hoặc lùn...)
- (5) to/ nhỏ (hoặc nhỏ bé...)
- (6) béo / gầy (hoặc gầy còm...)

3.

- (1) - (b); (2) – (d); (3) – (a); (4) – (c)

4. Một hôm qua chơi nhà bác Tư, em nhìn thấy một con ngựa trông rất đẹp. Da ngựa màu nâu nhạt. Bốn chân ngựa đứng thẳng, cao quá đầu em. Đuôi nó dài gần sát đất. Bác Tư nuôi ngựa để kéo xe chở khách. Em rất thích chú ngựa nâu vì nó ngoan hiền và chịu khó làm việc cho bác Tư.

Đáp án tuần 17

I- 1.c

2.a

3.c

(4).b II- 1.

a) giữ gìn – dữ dội – giám đốc – dám làm – rám má

b) Lợn kêu eng éc Sấm sét vang trời Mưa rơi lẹt đẹt Gió về rong chơi. 2.

(1) **Khỏe** như voi

(5) **Vàng** như nghệ

(2) **Dữ** như hổ (cọp)

(6) **Xanh** như tàu lá

(3) **Yếu** như sên

(7) **Đen** như gỗ mun

(4) **Thấp** như vịt

(8) **Óng mượt** như tơ

3. (1) Cô Hương mới ôm dậy, người **yếu như sên**.

(2) Mái tóc của chị Lan **óng mượt như tơ**.

4. Tự lập Thời gian biểu cụ thể của bản thân theo mẫu đã học.

Đáp án tuần 18

A- Đọc (10 điểm)

I- Đọc thành tiếng (6 điểm)

Đọc từng đoạn trích (khoảng 40 chữ) và TLCH, sau đó tự đánh giá theo biểu điểm tương tự như hướng dẫn ở bài kiểm tra giữa học kì I

- Đọc đúng tiếng, đúng từ: 3 điểm
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu: 1 điểm
- Tốc độ đọc đoạn trích đạt yêu cầu không quá 1 phút: 1 điểm
- Trả lời đúng ý câu hỏi: 1 điểm

VD: (1) Bé Hà đã tặng ông bà món quà gì? (Bé Hà đã tặng ông bà chùm điểm mười mà em đạt được)

(2) Hai anh em òa khóc xin cô tiên điều gì? (Hai anh em òa khóc xin cô tiên hóa phép cho bà sống lại với các cháu)

(3) Mùa xoài nào mẹ cũng chọn những quả chín và to nhất để làm gì?

(Mùa xoài nào mẹ cũng chọn những quả chín và to nhất bày lên bàn thờ ông)

(4) Cậu bé vừa chạm môi vào quả thì chuyện gì xảy ra? (Cậu bé vừa chạm môi vào quả thì một dòng sữa trắng trào ra, ngọt thơm như sữa mẹ)

(5) Vì sao Chi không dám ngắt bông hoa Niềm Vui? (Chi không dám tự ý ngắt bông hoa Niềm Vui vì theo nội quy của trường, không ai được tự ý hái hoa trong vườn trường)

II- Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)

1.b

2.c

3.b

4.c

(Đúng mỗi câu được 1 điểm)

B- Viết (10 điểm)

I – Chính tả nghe – viết (5 điểm)

HS nhờ người khác đọc để nghe – viết bài chính tả trong khoảng 15 phút, sau đó tự đánh giá theo biểu điểm tương tự như hướng dẫn ở bài kiểm tra giữa học kì I.

II – Tập làm văn (5 điểm)

Viết được đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể về gia đình thân yêu của em (thời gian làm bài khoảng 25 phút) theo các câu hỏi gợi ý; nội dung đúng yêu cầu đề bài, trình bày sạch sẽ, diễn đạt rõ ý.

VD: Gia đình em có bốn người. Đó là bố em, mẹ em, chị gái em và em. Bố em là công nhân làm việc trên công trường xây dựng. Mẹ em là thợ may làm việc trong nhà máy. Chị gái của em xinh đẹp, chăm ngoan, học giỏi. Chị đã đạt giải Ba kì thi học sinh giỏi Toán lớp 9 vừa qua. Em là học sinh lớp 2 của Trường Tiểu học Lê Văn Tám. Cả nhà em luôn yêu thương em. Em mong muốn gia đình em hạnh phúc mãi mãi.

Đáp án tuần 19

I- 1.a

2.b

3.c

(4).b II-1.

a)

Đồng chiêm phả **nắng** lên không, Cánh cò dẫn gió qua thung lúa vàng.

Gió **nâng** tiếng hát chới chang,

Long lanh **lưỡi** hái liềm ngang chân trời.

b) lí **lẽ** - số **lẻ** - loang **lổ**- **lỗ** vốn

2. Điền từ ngữ:

A	B
Tháng	Hoạt động, công việc nhà nông thường làm

Giêng	Ăn chơi (VD: Tham gia lễ hội, đi lễ chùa...)
Hai	Trồng đậu, trồng khoai, trồng cà
Ba	Hái đậu về nhà phơi khô
Tư	Tậu trâu bò
Năm	Sắm sửa(chuẩn bị) làm mùa (làm ruộng trồng lúa)
Mười	Gặt lúa, phơi khô quạt sạch (thóc lúa)

3. Gợi ý:

- (1) Rằm tháng tám, trẻ em được đón Tết Trung thu.(hoặc:trẻ em được đón Tết Trung thu vào ngày rằm tháng tám)
- (2) Cô giáo thường khen em khi em thuộc bài. (hoặc: Cô giáo thường khen em khi em biết giúp đỡ bạn..)
- (3) Ở nhà, em vui nhất khi được bố mẹ khen ngoan. (Hoặc: ở nhà, em vui nhất khi gia đình quây quần đông đủ sau bữa cơm tối..)

4. Gợi ý (lời tự giới thiệu và trò chuyện)

- (Cháu chào cô ạ !) Cháu là Hương, bạn học cùng lớp với Phương Anh. Cháu xin phép cô cho cháu gặp Phương Anh để mượn quyển truyện ạ.
- (Thế à ! Phương Anh đang tưới cây ngoài vườn, cháu vào đi.)
- Dạ, cháu cảm ơn cô.

Đáp án tuần 20

I- 1.b

2.c

3.a

(4).c II- 1.

a) xôi đỗ - nước sôi; dòng sông – xông lên

b) xem xiếc – chảy xiết; chiếc lá – chiết cây

2. Điền theo thứ tự các chỗ trống: đông – hạ - thu – xuân

3. Gợi ý:

- (1) Bao giờ (hoặc lúc nào, mấy giờ, tháng mấy) tổ bạn đến thăm gia đình liệt sĩ Võ Thị Sáu?
- (2) Bao giờ (hoặc lúc nào, tháng mấy) bạn được về quê cùng gia đình?
- (3) Bạn xem bộ phim này bao giờ (hoặc lúc nào, (vào) tháng mấy, (buổi) mấy giờ)?
- (4) Bạn có bộ quần áo mới này bao giờ (hoặc lúc nào, (vào) tháng mấy)?

4. VD: Cảnh vật mùa thu ở quê em thật mát mẻ và tinh khiết. Bầu trời cao xanh vời vời. Dòng sông trong vắt, chảy lững lờ bên những bãi ngô, ruộng lúa. Các khu vườn cây trái sum sê đã điểm xuyết những chiếc lá vàng. Cảnh thiên nhiên tươi đẹp khi mùa thu về khiến em càng thiết tha yêu quý quê hương.

Đáp án tuần 21

I- 1.b

2.a

3.b

(4).c II- 1.

- a) chẻ củi – chở đồ – trở bông
- b) tuốt lúa- buộc chặt – suốt ngày – thuộc bài

2.

Loài chim nuôi trong nhà	Loài chim sông hoang dại
Bồ câu, gà, vịt, ngỗng, ngan (vịt xiêm)	Chiền chiện, diều hâu, chích chòe, tu hú, cú mèo

- 3.** a) VD: (1) Người nông dân trồng lúa ở đồng ruộng
- (2) Chim chiền chiện thường hót trên không trung.

- b) VD: (1) Mẹ dạy em tập viết ở đâu?
- (2) Chim hải âu thường bay liệng ở đâu?

4. a) VD: Mình chỉ giúp bạn một việc nhỏ thôi mà.

b) VD:

- (1) Nhà bà ngoại em có nuôi một con gà trống, đó là con vật mà em rất thích. Bộ lông nó sặc sỡ nhiều màu sắc, trông thật thích mắt. Mỗi lần em về thăm bà,

lại được nghe tiếng gà trống gáy đồng dục ngoài sân: "Ồ...ó..o..o ! Ồ..ó...o..o!"

(2) Em thích nhất loài chim sâu. Chim sâu có đôi chân nhỏ nhắn và cái mỏ xinh xinh. Đôi chân nhỏ giúp chim sâu chuyền cành, cái mỏ xinh gắp những con sâu ở thân cây nhanh thoăn thoắt.

Đáp án tuần 22

I- 1.a

2.b

3.c

(4).c II- 1.

a) con **giun**- **run** sọc; **rừng** xanh – **dừng** lại

b) truyện **cổ** - ăn **cỗ**; **cỗ** bài – hươu cao **cổ** 2.

(1) Gầy như **cò hương**; (2) Học như **cuốc** kêu

(3) Chũ như **gà** bới; (4) **Quạ** tắm thì ráo, **sáo** tắm thì mưa.

3. Cò là người bạn thân thiết của người nông dân. Lúc cày cấy, khi làm cỏ, người nông dân luôn có cò bên cạnh. Cả trong lời mẹ ru cũng có cánh cò “bay lả bay la”

4. VD: Những con sơn ca đang nhảy nhót trên sườn đồi. Chúng bay lên cao và cất tiếng hót. Tiếng hót lúc trầm, lúc bổng, lanh lốt vang mãi đi xa. Bỗng dưng lũ sơn ca không hót nữa mà bay vút lên nền trời xanh thẳm.

Đáp án tuần 23

I- 1.b

2.c

3.b

(4).a II- 1.

a) xin lỗi – nỗi buồn; lỗi đi – nổi dậy

b) thước kẻ - thướt tha; lần lượt – cái lược

2. (1) Thú ăn cây cỏ, hoa quả (thực vật) , thường hiền lành: voi, hươu, nai, ngựa vằn, khỉ, vượn, dê, thỏ

(2) Thú ăn thịt (động vật), thường dữ tợn: hổ, báo, sư tử, chó sói, mèo rừng.

3. a) VD:

- (1) Gấu bố, gấu mẹ bước đi lặc lè.
- (2) Con vượn chuyền cành nhanh thoăn thoắt

b) Vd:

- (1) Khỉ bắt chước như thế nào?
- (2) Ngựa phi như thế nào?

4. VD:

- (1) Giữ gìn trật tự, tránh đùa nghịch, nói chuyện làm ảnh hưởng đến người khác.
- (2) Giữ gìn sách báo để sử dụng lâu dài; không làm rách, hỏng sách báo.
- (3) Sách báo đọc xong phải để đúng nơi quy định; không mang sách báo ra khỏi phòng đọc.

Đáp án tuần 24

I- 1.c

2.b

3.a

(4).b II- 1.

- a) – Chú chim được sinh ra trong chiếc tổ **xinh xắn**
- Buổi **sớm** mùa đông trên núi cao, sương **xuống** lạnh thấu **xương**.
- b) Voi con dùng vòi **hút** nước rồi **húc** đầu vào bụng voi mẹ đùa **ngịch**

2.

Nhát nhát trong rừng, Chính là
con **thỏ**.
Tính tình hung dữ, Là lão **hổ**
vằn.
Vốn dĩ tinh ranh, Là con **chó**
sói.

Hiền lành bên suối, Là chú **nai** vàng.
Đi đứng hiên ngang, Là **voi** to nặng.
Tính tình thẳng thắn, Là **ngựa** phi nhanh. Vừa dữ vừa
lành,
Tò mò như **gấu**.

3. Rừng Tây Nguyên đẹp lắm. Vào mùa xuân và mùa thu, trời mát dịu và thoang thoang hương rừng. Bên bờ suối, những khóm hoa đủ màu sắc đua nở... Nhiều giống thú quý rất ưa sống trong rừng Tây Nguyên.

4. VD:

- a) Rùa nài xin đại bàng dạy cho nó biết bay.
- b) Đại bàng không dạy vì biết rùa không thể bay được.
- c) Thấy rùa nài nỉ mãi, đại bàng bèn lấy móng vuốt quặp lấy rùa bay lên cao rồi thả ra. Hậu quả là rùa rơi xuống đất, mai rạn nứt chẳng chịt cho đến tận bây giờ.

Đáp án tuần 25

I- 1.a

2.c

3.b

(4).b II – 1.

a) bánh **chưng** – sáng **trung**; quả **trứng** – **chứng** nhận

b) vấp **ngã** – nghiêng **ngả**; suy **nghĩ** – **nghỉ** ngơi

2. VD:

- Nước biển mặn chát
- Sóng biển ào ạt
- Cát biển mịn màng
- Bờ biển trải dài

3. a) VD:

- (1) Sóng biển cuộn lên ào ào vì gió thổi rất mạnh.
- (2) Con thuyền phải chồm lên hụp xuống vì biển nổi sóng dữ dội.

b) VD: Vì sao tất cả tàu thuyền đều không ra khơi?

4. a) VD (lời đáp)

- Vâng, con cảm ơn mẹ (hoặc: Ôi, vui quá ! Con cảm ơn mẹ.)

b) VD:

- (1) Ảnh chụp cảnh một bãi biển rất đẹp.

(2) Trên bờ biển, cây dừa xanh tốt xòe những tàu lá đu đưa trong gió. Bãi cát trắng mịn màng, thấp thoáng bóng người đi tắm biển. Dưới tán dù che nắng, khách du lịch ung dung ngồi ngắm cảnh trời nước bao la.

(3) Mặt biển phẳng lặng. Bầu trời trên biển xanh trong, điểm xuyết vài làn mây trắng nhẹ trôi.

Đáp án tuần 26

I – 1.b

2.c

3.a

(4).c II- 1.

a) Dòng sông rộng mênh mông, bốn mùa dạt dào sóng nước

b) Nhóm thanh niên lực lưỡng ra sức chèo thuyền bứt lên phía trước.

2. (1)- (d); (2)- (e); (3)- (a); (4) – (b); (5) – (c)

3. Cá đi từng đàn, khi thì tung tăng bơi lội, khi thì lao vun vút như những con thoi. Cá nhảy cả lên thuyền lướt trên mặt sóng. Cá tràn cả lên bờ lúc mưa to, gió lớn.

4. a) Hồ Gươm ở Thủ đô Hà Nội, Hồ Gươm còn gọi là hồ Hoàn Kiếm

b) Giữa hồ có Tháp Rùa trông như ngôi nhà nhỏ xinh.

c) Mặt nước hồ phẳng lặng như tấm gương. Ven hồ, những hàng cây xanh nghiêng mình soi gương nước. Ngôi nhà hai tầng khiêm tốn nép mình bên hàng cây.

d) Cảnh Hồ Gươm gợi cho em nghĩ về một thành phố xanh mát, thanh bình và giàu sức sống.

Đáp án tuần 27

A- Đọc (10 điểm)

I – Đọc thành tiếng (6 điểm)

Đọc từng đoạn trích (khoảng 50 chữ) và TLCH, sau đó đánh giá theo biểu điểm dưới đây:

- Đọc đúng tiếng, đúng từ: 3 điểm

(đọc sai dưới 3 tiếng: 2,5 điểm; đọc sai từ 3 đến 4 tiếng: 2 điểm; đọc sai từ 5 đến 6 tiếng: 1,5 điểm; đọc sai từ 7 đến 8 tiếng: 1 điểm; đọc sai từ 9 đến 10 tiếng: 0,5 điểm; đọc sai trên 10 tiếng: 0 điểm)

- Ngắt, nghỉ hơi đúng ở các dấu câu (có thể mắc lỗi về ngắt, nghỉ hơi ở 1 hoặc 2 dấu câu): 1 điểm

(Không ngắt, nghỉ hơi đúng ở 3 đến 4 dấu câu: 0,5 điểm; không ngắt, nghỉ hơi đúng ở 5 dấu câu trở lên: 0 điểm)

- Tốc độ đọc đoạn trích đạt yêu cầu (khoảng 50 tiếng/ phút): 1 điểm

(Đọc quá 1 phút đến 2 phút: 0,5 điểm; đọc quá 2 phút, phải đánh vần nhảm: 0 điểm)

- Trả lời đúng ý câu hỏi: 1 điểm VD:

(1) Ông Mạnh đã làm gì để Thần Gió trở thành bạn của mình?

(Khi Thần Gió biết lỗi, ông Mạnh đã an ủi Thần và mời Thần thỉnh thoảng đến chơi vui vẻ)

(2) Dấu hiệu nào báo mùa xuân đến? (Hoa mận tàn báo mùa xuân đến)

(3) Hành động của các cậu bé gây ra chuyện gì đau lòng?

(Hành động của các cậu bé làm cho sơn ca bị chết, bông cúc héo tàn.)

(4) Câu trả lời của Cò chứa một lời khuyên. Lời khuyên ấy là gì?

(VD: Không nên ngại lao động vất vả, khó khăn vì lao động là đáng quý..)

(5) Con voi đã giúp những người trên xe như thế nào? (Voi quặp chặt vòi vào đầu xe, co mình, lôi mạnh chiếc xe qua khỏi vũng lầy)

(Trả lời chưa đủ ý hoặc hiểu câu hỏi nhưng diễn đạt còn lúng túng, chưa rõ ràng: 0,5 điểm; không trả lời được hoặc trả lời sai ý: 0 điểm)

II – Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho mỗi câu hỏi:

1.c

2.a

3.b

4.c

(đúng mỗi câu, được 1 điểm)

B- Viết (10 điểm)

I – Chính tả nghe – viết (5 điểm)

HS nhờ người khác đọc đề nghe – viết bài chính tả trong khoảng 17 phút, sau đó tự đánh giá theo biểu điểm dưới đây:

Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng đoạn thơ: 5 điểm. Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai, lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng quy định): trừ 0,5 điểm

Lưu ý: Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bản... bị trừ 1 điểm toàn bài.

II- Tập làm văn (5 điểm)

Viết được đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể về một con vật mà em biết (theo gợi ý cho trước) trong khoảng 25 phút; nội dung đúng yêu cầu đề bài, trình bày sạch sẽ, diễn đạt rõ ý: 5 điểm

VD: (1) Nhà em nuôi một con chó cảnh. Nó có bộ lông trắng muốt, bốn chân ngắn ngủn. Đôi mắt nó đen láy, cái lưỡi thì đỏ hồng. Mỗi khi em đi học về, cún con lại chạy ra vẫy đuôi rồi rít trông thật đáng yêu. Em rất quý cún con và coi nó như một người bạn thân.

(2) Nhà em có chú mèo mướp Mi-nu. Mi-nu ở nhà em đã được mấy tháng rồi. Mi-nu rất ngoan và bắt chuột rất giỏi. Em yêu quý Mi-nu như em nhỏ trong nhà. Em thường chơi với mi-nu những lúc rảnh rỗi. Mi-nu cũng rất quý em. Lúc em ngồi học, Mi-nu thường ngồi bên cạnh và dụi dụi cái mũi nhỏ vào chân em hoặc cuộn tròn trong lòng em như một quả bông ấm áp.

Đáp án tuần 28

I- 1.b

2.c

3.b

(4).a II- 1.

a) hoa **nở**- núi **lở**; khoai **lang** – nở **nang**

b) **bên** vực – **bên** cạnh; mũi **tên** – nhẹ **tênh**

c) **thua** cuộc – **thuở** nhỏ; **huơ** vôi – **lúa** vàng

2.a) (1) Ông em trồng cây na để con cháu có quả ăn

(2) Em trồng cây cúc vạn thọ để lấy hoa ướp trà.

b) VD:

(1) Chúng em trồng nhiều cây xanh **để môi trường thêm trong sạch**

(2) Toàn trường em trồng nhiều hoa **để ngôi trường thêm tươi đẹp**

3. Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu chim. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi.

4. VD: a) Hình dáng bên ngoài quả sầu riêng

(1) Sầu riêng có họ hàng xa với mít nhưng quả nhỏ hơn

(2) Gai quả sầu riêng to, dài, cứng và sắc. Vỏ sầu riêng dày như vỏ quả mít nhưng cứng và rất dai

b) Ruột và mùi vị quả sầu riêng

(1) Khi quả chín muồi, vỏ tự tách ra để lộ những múi sầu riêng béo ngậy, nằm gói lên nhau trong các khe hở.

(2) Cơm sầu riêng màu ngà hoặc màu mỡ gà bọc quanh hạt. Cơm sầu riêng càng dày thì càng ngọt, béo và thơm.

Đáp án tuần 29

I- 1.c

2.b

3.b

(4).c II- 1.

a) **nhận xét** – **sấm sét**; **sách vở** - **xách túi**

b) **kính** mền – **kín** mít; **xinh** xắn – **xin** phép

2. a) (1)-b; (2)-d; (3)-a; (4)-g; (5)-c; (6)-e

3. (1) Rễ cây hút chất màu dưới đất **để làm gì?**

(2) Ông hút nhụy hoa **để làm gì?**

4. VD (lời đáp)

a) Cảm ơn bạn. Mình sẽ cố gắng

b) Em cảm ơn cô ạ. Em cũng xin chúc cô và gia đình có những ngày hè thú vị

Đáp án tuần 30

I – 1.c

2.b

3.b

(4).c II- 1.

a) chọn lựa – trọn vẹn; trú ẩn – chú trọng

b) chênh lệch – tầng trệt; dấu vết – trắng bệch

2. VD: hiền từ, nhân hậu, chí công vô tư, yêu nước thương nòi, hết lòng vì dân vì nước,....

3. VD (1) Đôi mắt Bác Hồ thật **hiền từ**

(2) Bác Hồ là vị lãnh tụ **hết lòng vì dân vì nước**

4. VD:

a) Một chiều hè nắng to, ông Ké nhờ mấy người dân khiêng chiếc loong ra suối.

b) Ông Ké cạo sạch chiếc loong rồi múc nước đổ đầy vào để tắm cho các cháu nhỏ.

c) Được ông Ké tắm cho, các cháu rất thích thú.

d) Ông Ké đó chính là Bác Hồ muôn vàn kính yêu của chúng ta.

Đáp án tuần 31

I- 1.c

2.a

3.b

(4).c II- 1.

a) Dế Mèn tạm xa gia đình để *rong ruổi* trên đường, đi *chu du* khắp thiên hạ

b) Các bạn học sinh vẽ tranh, *mỗi* người một vẽ, hay *đáo để*.

2. Bác Hồ sống rất **giản dị** nhưng rất có **nền nếp**. Sáng nào cũng vậy, cứ khoảng bốn rưỡi, năm giờ, khi sương mù còn bồng bềnh trên các ngọn cây, khe núi, Người đã dậy, **dọn dẹp** chăn màn, rồi chạy xuống bờ suối **tập thể dục** và tắm rửa. Sáng sớm, Bác thường tập leo núi. Bác chọn những quả núi quanh vùng cao nhất để **leo lên** với đôi bàn chân không. Sau giờ tập, Bác tắm nước lạnh để luyện **chịu đựng** với giá rét.

3. Lúc ở chiến khu, Bác Hồ nuôi một con chó, một con mèo và một con khỉ..Thông thường thì cả ba loài đó vốn chẳng ưa nhau. Không biết Bác dạy thế nào mà chúng lại quấn quýt nhau, không hề trêu chọc hay cắn nhau bao giờ

4. a) VD (lời đáp)

(1) Có gì đâu ạ ! Con sẽ luôn cố gắng để mẹ vui

(2) Cảm ơn bạn đã khen

b) VD:

Ảnh Bác Hồ ở nhà em được treo trang trọng dưới lá Quốc kì nền đỏ sao vàng. Trong ảnh, Bác Hồ có mái tóc bạc phơ và bộ râu hơi dài. Trông Bác như một ông tiên. Vàng trán cao lộ rõ vẻ thông minh. Đôi mắt hiền từ của Bác như muốn đem niềm vui đến cho mọi người.

Đáp án tuần 32

I- 1.a

2.b

3.b

(4).c II-1.

a) nổi **niềm** – cái **liềm**; **nuơng** rẫy – **lương** thực

b) **vỗ** tay – **đỗ** dành; sách vở - **dở** dang

c) **tích** tặc – xa **tút**; vở **kịch** – đen **kịt**

2. (1) tối/sáng; (2) chìm/nổi; (3) ít/nhiều; (4) cuối cùng/ đầu tiên

3. Xóm làng tung bừng mở hội mừng xuân. Nhiều hình thức hội hè vui chơi diễn ra sôi nổi, như: đấu võ dân tộc, đua thuyền, đấu cờ tướng, thi hát xướng, ngâm thơ.

4. a) VD (lời đáp)

(1) Vâng, thế thì hôm nào bố mẹ cho con đínhé.

(2) Thế thì tớ sẽ cố gắng làm, có gì khó thì bạn hướng dẫn tớ nhé.

b) VD: Sổ liên lạc có tác dụng ghi lại tình hình học tập của em, giúp nhà trường và gia đình liên hệ chặt chẽ với nhau.

Đáp án tuần 33

I- 1.a

2.b

3.c

(4).b II- 1.

a) (1) Phía xa xa, đàn chim sẽ thi nhau sà xuống cánh đồng mới gặt

(2) Các cháu say sưa nghe bà kể chuyện ngày xưa ngày xưa.

b) Hàng nghìn con kiến lũ lượt tha mồi về tổ đông nghìn nghịt

c) Trái tim bé đập dào niềm vui khi bày chim về làm tổ trong vườn

2. VD: (1) thợ mộc; (2) thợ hàn; (3) thợ may

(4) thợ xây; (5) thợ điện; (6) thợ thủ công

3. VD:

a) Nhân dân Việt Nam cần cù trong lao động

b) Dân tộc Việt Nam đã chiến đấu vô cùng dũng cảm trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ

c) Đoàn kết là một truyền thống cực kì quý báu của dân tộc ta.

4. a) VD:

(1) – Có thật không mẹ? Con cảm ơn mẹ ạ ! (2)- Vậy hả anh? Lần sau em sẽ cẩn thận hơn.

b) VD: Tan học hôm ấy, trời mưa rất to. Em mở cặp để lấy áo mưa chuẩn bị về nhà thì thấy Minh cứ lúng túng vì quên mang áo mưa. Em liền nói: "Tớ có áo mưa đây ! Chúng mình cùng đi chung nhé !". Chúng em vừa đi vừa vui vẻ nói chuyện. Chẳng mấy chốc, hai đứa đã về tới nhà.

Đáp án tuần 34

I- 1.a

2.c

3.b

(4).c II -1.

a) leo **trèo** – hát **chèo**; **chống** đỡ - **trống** trải

b) **trông** nom – **trong** sáng

c) tan **rã** – kêu ra **rả**

2. (1) **Trên** kính dưới nường

(2) **Hẹp** nhà rộng bụng

(3) Việc **nhỏ** nghĩa lớn

(4) Áo **rách** khéo vá hơn lành vụng may

(5) Áo rách khéo vá hơn lành **vụng** may

3. VD: a) Các bác **nông dân** đang cấy lúa trên đồng

b) Các chú **công nhân** làm việc trong nhà máy

c) **Bác sĩ** là người khám và chữa bệnh cho nhân dân

4. VD: Bác Lan ở cạnh nhà em bán bánh cuốn ở chợ Thanh Trì. Hằng ngày, bác dậy tráng bánh từ rất sớm rồi đem ra chợ bán. Bánh cuốn của bác Lan tráng rất khéo, trông thật ngon. Nhờ gánh hàng của bác, cả gia đình có thêm tiền chi tiêu và nuôi được hai người con thi đỗ vào đại học.

Đáp án tuần 35

A- Đọc (10 điểm)

I- Đọc thành tiếng (6 điểm)

Đọc từng đoạn trích (khoảng 50 chữ) và TLCH, sau đó tự đánh giá theo biểu điểm dưới đây:

- Đọc đúng tiếng, đúng từ: 3 điểm

(Đọc sai dưới 3 tiếng: 2,5 điểm; đọc sai từ 3 đến 4 tiếng: 2 điểm; đọc sai từ 5 đến 6 tiếng: 1,5 điểm; đọc sai từ 7 đến 8 tiếng: 1 điểm; đọc sai từ 9 đến 10 tiếng: 0,5 điểm; đọc sai trên 10 tiếng: 0 điểm)

- Ngắt, nghỉ hơi đúng ở các dấu câu (có thể mắc lỗi về ngắt, nghỉ hơi ở 1 hoặc 2 dấu câu): 1 điểm

(Không ngắt, nghỉ hơi đúng ở 3 đến 4 dấu câu: 0,5 điểm; không ngắt, nghỉ hơi đúng ở 5 dấu câu trở lên: 0 điểm)

- Tốc độ đọc đoạn trích đạt yêu cầu (khoảng 50 tiếng/ phút): 1 điểm

(Đọc quá 1 phút đến 2 phút: 0,5 điểm; đọc quá 2 phút, phải đánh vần nhảm: 0 điểm)

- Trả lời đúng ý câu hỏi: 1 điểm

VD: (1) Người ông dành những quả đào cho ai? (Người ông dành những quả đào cho vợ và ba đứa cháu nhỏ)

(2) Thân cây đa được miêu tả như thế nào? (Thân cây đa rất to lớn: chín, mười đứa bé bắt tay nhau ôm không xuể)

(3) Các bạn nhỏ thích chơi trò gì bên cây đa? (Các bạn nhỏ thích chơi trò chui qua chui lại vòng lá tạo bởi chiếc rễ đa)

(4) Sau lăng có những loài hoa nào ở Sơn La và ở Nam Bộ? (Sau lăng có những cảnh đào ở Sơn La và nhành sứ đỏ của Nam Bộ)

(5) Vì sao Quốc Toản vô tình bóp nát quả cam? (Quốc Toản vô tình bóp nát quả cam vì đang ảm ức bị Vua xem như trẻ con, lại nghĩ đến quân giặc đang đè đầu cưỡi cổ dân mình)

(Trả lời chưa đủ ý hoặc hiểu câu hỏi nhưng diễn đạt còn lúng túng, chưa rõ ràng: 0,5 điểm; không trả lời được hoặc trả lời sai ý: 0 điểm)

II- Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)

1.a

2.b

3.c

4.b

(đúng mỗi câu, được 1 điểm) B- Viết (10 điểm)

I – Chính tả nghe – viết (5 điểm)

HS nhờ người khác đọc đề nghe- viết bài chính tả trong khoảng 16 phút, sau đó tự đánh giá theo biểu điểm dưới đây:

Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng bài thơ: 5 điểm. Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai, lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng quy định) trừ 0,5 điểm

Lưu ý: Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bản... bị trừ 1 điểm toàn bài.

II- Tập làm văn (5 điểm)

Viết được đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) kể một việc tốt của em (hoặc bạn em) đã làm ở trường hoặc nơi em ở (theo gợi ý cho trước) trong khoảng 25 phút; nội dung đúng yêu cầu đề bài, trình bày sạch sẽ, diễn đạt rõ ý: 5 điểm

VD:

(1) Tan học hôm ấy, trời mưa rất to. Em mở cặp lấy áo mưa để chuẩn bị về nhà. Chợt thấy Sơn cứ lúng túng vì quên mang áo mưa. Em liền vui vẻ nói: "Tớ có áo mưa đây ! Chúng mình cùng đi chung nhé !". Hai đứa về đến nhà mà cặp sách vẫn khô nguyên, Sơn nói: "Cảm ơn Hoàng nhé ! Cậu tốt quá !".

(2) Lan nhặt được chiếc bút "Nét hoa" trước cửa lớp học. Huệ nhìn thấy liền nói với Lan: "Chắc của bạn nào đánh rơi". Lan ngẫm nghĩ rồi đến gặp cô giáo trao lại chiếc bút, nhờ cô trả lại người đánh rơi. Cô giáo khen Lan trước lớp : "Cô khen Lan vì em đã làm được một việc tốt". Bạn bè trong lớp vui vẻ thưởng cho Lan một tràng vỗ tay làm Lan thấy đỏ cả mặt

